

Số: /QĐ-GDDT

Thành phố Thủ Đức, ngày tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận học sinh giỏi lớp 9 thành phố Thủ Đức năm học 2024 – 2025

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 23/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức về việc thành lập Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức về bổ nhiệm Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức;

Căn cứ kết quả Kỳ thi chọn đội tuyển Học sinh giỏi lớp 9 dự thi cấp Thành phố Hồ Chí Minh khóa ngày 26/10/2024;

Theo đề nghị của tổ Chuyên môn cấp Trung học cơ sở, bộ phận Thi đua Phòng Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 1282 học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi lớp 9 thành phố Thủ Đức cấp Trung học cơ sở năm học 2024 - 2025 bộ môn Ngữ văn; Toán; Tiếng Anh; Khoa học tự nhiên (Năng lượng và sự biến đổi, Chất và sự biến đổi của chất, Vật sống); Lịch sử và Địa lý (phân môn Lịch sử, phân môn Địa lý); Tin học; Công nghệ (Công nghiệp, Nông nghiệp); Giải toán trên máy tính cầm tay (MTCT) (*Danh sách đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban tổ chức Kỳ thi chọn đội tuyển Học sinh giỏi lớp 9 dự thi cấp Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2024 - 2025, bộ phận Thi đua của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng các trường Trung học cơ sở và các cá nhân có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Minh.

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thái Vĩnh Nguyên

DANH SÁCH**Công nhận học sinh giỏi lớp 9 thành phố Thủ Đức năm học 2024 – 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-GDDT ngày tháng 11 năm 2024
của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
1	1	Bùi Trọng	Khang	9/3	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
2	2	Võ Nhật Nhã	Uyên	9A3	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
3	3	Bùi Ngọc	Hân	9/3	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
4	4	Bùi Vũ An	Mai	9A3	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
5	5	Nguyễn Ngọc	Vi	9A9	THCS Trần Quốc Toản	Ngữ văn 9
6	6	Trần Thu	Hà	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Ngữ văn 9
7	7	Nguyễn Ngọc Linh	Đan	9A7	THCS Trần Quốc Toản	Ngữ văn 9
8	8	Đinh Kiều	Oanh	9/2	THCS Trương Văn Ngu	Ngữ văn 9
9	9	Trần Huỳnh Phương	Hà	9A3	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
10	10	Tạ Hồng	Anh	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Ngữ văn 9
11	11	Huỳnh Ngọc Mai	Anh	9/8	THCS Trần Quốc Toản 1	Ngữ văn 9
12	12	Nguyễn Đoàn Quỳnh	Chi	9A7	THCS Trần Quốc Toản	Ngữ văn 9
13	13	Lâm Nguyễn Minh	Thư	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Ngữ văn 9
14	14	Phạm Minh	Tú	9/2	THCS Trương Văn Ngu	Ngữ văn 9
15	15	Nguyễn Phan Ngọc	Uyên	9T1	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
16	16	Lê Thị Cẩm	Tú	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Ngữ văn 9
17	17	Trần Thu	Ngân	9/7	THCS Trần Quốc Toản 1	Ngữ văn 9
18	18	Nguyễn Bảo	Anh	9A4	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
19	19	Đỗ Phương	Anh	9.3	THCS Phước Bình	Ngữ văn 9
20	20	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	9A3	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
21	21	Vũ Diệu	Anh	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn 9
22	22	Trần Phương	Anh	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Ngữ văn 9
23	23	Nguyễn Thị Ánh	Dương	9A7	THCS Trần Quốc Toản	Ngữ văn 9
24	24	Bùi Phạm Hồng	Yến	9.3	THCS Phước Bình	Ngữ văn 9
25	25	Phan Nguyễn Hà	Trang	9A3	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
26	26	Phạm Quỳnh	Anh	9.3	THCS Phước Bình	Ngữ văn 9
27	27	Nguyễn Ngọc Vân	Anh	9A7	THCS Trần Quốc Toản	Ngữ văn 9
28	28	Huỳnh Thị Ánh	Dương	9.4	THCS Phước Bình	Ngữ văn 9
29	29	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	9A3	THCS Long Trường	Ngữ văn 9
30	30	Phùng Thị Phương	Thảo	9/6	THCS Bình Thới	Ngữ văn 9
31	31	Nguyễn Thục	Anh	9/1	THCS Trần Quốc Toản 1	Ngữ văn 9
32	32	Nguyễn Thiên	Hân	9/7	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	Ngữ văn 9
33	33	Lê Nguyễn Anh	Thư	9A4	THCS Thái Văn Lung	Ngữ văn 9
34	34	Lê Kim	Ấn	9A9	THCS Bình Chiểu	Ngữ văn 9
35	35	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Ngữ văn 9
36	36	Phạm Hoàng Thảo	Nguyên	9.1	THCS Phước Bình	Ngữ văn 9
37	37	Nguyễn Ngọc Diệu	Huyền	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn 9
38	38	Lê Phạm Khả	Hân	9A9	THCS Bình Chiểu	Ngữ văn 9
39	39	Trần Nguyễn Ngọc	Nghi	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Ngữ văn 9

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
40	40	Nguyễn Hoàng	Phuong	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Ngữ văn 9
41	41	Vy Trần Tuyết	Như	9A2	THCS Linh Trung	Ngữ văn 9
42	42	Bùi Ngọc Quỳnh	Như	9A1	THCS Linh Trung	Ngữ văn 9
43	43	Hồ Yên	Nhi	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Ngữ văn 9
44	44	Nguyễn Thành	Nhân	9A2	THCS Ngô Chí Quốc	Ngữ văn 9
45	45	Đặng Thị Thu	Thanh	9/5	THCS Dương Văn Thì	Ngữ văn 9
46	46	Nguyễn Lâm	Phuong	9/3	THCS Trương Văn Ngu	Ngữ văn 9
47	47	Nguyễn Hoàng Yên	Chi	9.1	THCS Phước Bình	Ngữ văn 9
48	48	Phạm Nguyễn Minh	Ngọc	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Ngữ văn 9
49	49	Nguyễn Trần Xuân	Mai	9A3	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
50	50	Phạm Nguyễn Quốc	Huy	9/2	THCS Lê Văn Việt	Ngữ văn 9
51	51	Hồ Ngọc	Bảo	9A2	THCS Linh Đông	Ngữ văn 9
52	52	Hồ Như	Phúc	9/4	THCS Trương Văn Ngu	Ngữ văn 9
53	53	Lê Hoàng	Oanh	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Ngữ văn 9
54	54	Trần Phạm Gia	Như	9A9	THCS Bình Chiểu	Ngữ văn 9
55	55	Bùi Thị Thanh	Bình	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Ngữ văn 9
56	56	Đặng Bùi Lan	Anh	9/3	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
57	57	Nguyễn Vũ Phương	Chi	9/2	THCS Đặng Tấn Tài	Ngữ văn 9
58	58	Hoàng Phương	Anh	9/2	THCS Trương Văn Ngu	Ngữ văn 9
59	59	Hà Đoàn Quỳnh	Như	9A10	THCS Bình Chiểu	Ngữ văn 9
60	60	Mai Xuân	Thy	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn 9
61	61	Cao Văn	Thanh	9/2	THCS Trương Văn Ngu	Ngữ văn 9
62	62	Nguyễn Nhật	Anh	9/8	THCS Trần Quốc Toàn 1	Ngữ văn 9
63	63	Nguyễn Hồng	Ngọc	9A1	THCS An Phú	Ngữ văn 9
64	64	Nguyễn Ngọc	Ánh	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Ngữ văn 9
65	65	Võ An	An	9T2	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
66	66	Nguyễn Ngọc	Hà	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Ngữ văn 9
67	67	Võ Bích Hoa	Tiên	9A3	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
68	68	Nguyễn Kim	Yến	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Ngữ văn 9
69	69	Kiều Đăng Quốc	Huy	9/1	THCS Linh Trung	Ngữ văn 9
70	70	Nguyễn Hồ Bảo	Hân	9/1	THCS Linh Trung	Ngữ văn 9
71	71	Nguyễn Phương	Nhi	9/1	THCS Tam Bình	Ngữ văn 9
72	72	Nguyễn Bảo	Ngọc	9/8	THCS Trường Thọ	Ngữ văn 9
73	73	Lâm Phạm Thanh	Thúy	9/1	THCS Tam Bình	Ngữ văn 9
74	74	Phan Thị	Yến	9A7	THCS Nguyễn Văn Bá	Ngữ văn 9
75	75	Trịnh Phương	Anh	9A5	THCS Lương Định Của	Ngữ văn 9
76	76	Phạm Thị Lan	Anh	9A4	THCS Nguyễn Thị Định	Ngữ văn 9
77	77	Quách Thị Như	Ngọc	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Ngữ văn 9
78	78	Hà Phạm Gia	Bảo	9/4	THCS Hiệp Phú	Ngữ văn 9
79	79	Đào Nhật	Tân	9A4	THCS Hưng Bình	Ngữ văn 9
80	80	Khổng Khánh	Quỳnh	9A8	THCS Trần Quốc Toàn	Ngữ văn 9
81	81	Giang Trần Tố	Quyên	9.4	THCS Phước Bình	Ngữ văn 9
82	82	Nguyễn Ngọc Thảo	Phượng	9A8	THCS Hưng Bình	Ngữ văn 9

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
83	83	Nguyễn Vũ Bích	Vinh	9/4	THCS Hiệp Phú	Ngữ văn 9
84	84	Nguyễn Hoàng Đức	Bảo	9/3	THCS Dương Văn Thi	Ngữ văn 9
85	85	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn 9
86	86	Huỳnh Lê Hưng	Thịnh	9/1	THCS Trương Văn Ngu	Ngữ văn 9
87	87	Trần Nguyễn Nhi	Quỳnh	9A9	THCS Bình Chiểu	Ngữ văn 9
88	88	Trần Ngọc Tú	Anh	9A2	TH, THCS & THPT Vinschool	Ngữ văn 9
89	89	Phạm Thùy Trâm	Anh	9A6	THCS Tân Phú	Ngữ văn 9
90	90	Vũ Lê Quỳnh	Lâm	9T1	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
91	91	Nguyễn Thị Thu	Hà	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Ngữ văn 9
92	92	Vương Hoàng Tuấn	Anh	9/3	THCS Bình Thọ	Ngữ văn 9
93	93	Dương Vũ Trâm	Anh	9A2	THCS Linh Đông	Ngữ văn 9
94	94	Võ Ngọc Vy	Phương	9A3	THCS Hiệp Bình	Ngữ văn 9
95	95	Tạ Minh	Lâm	9TH1	THCS Lương Định Của	Ngữ văn 9
96	96	Nguyễn Hoàng Ngọc	Khánh	9A5	THCS Lương Định Của	Ngữ văn 9
97	97	Biện Nguyễn Vân	Khánh	9TH1	THCS Lương Định Của	Ngữ văn 9
98	98	Tô Triệu Minh	Hà	9/8	THCS Trần Quốc Toàn 1	Ngữ văn 9
99	99	Trần Hoàng Thanh	Ngọc	9A1	THCS An Phú	Ngữ văn 9
100	100	Nguyễn Lê Quỳnh	Anh	9.10	THCS Phước Bình	Ngữ văn 9
101	101	Võ Vương	Nghi	9TC	THCS Trường Thạnh	Ngữ văn 9
102	102	Dương Nguyễn Song	Phụng	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Ngữ văn 9
103	103	Võ Thục	Uyên	9TC	THCS Trường Thạnh	Ngữ văn 9
104	104	Phạm Ngọc Đan	Uyên	9A5	THCS Tân Phú	Ngữ văn 9
105	105	Nguyễn Kim	Khánh	9/1	THCS Trương Văn Ngu	Ngữ văn 9
106	106	Nguyễn Hồng	Nhung	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn 9
107	107	Phạm Nguyễn Thủy	Tiên	9/2	THCS Trường Thọ	Ngữ văn 9
108	108	Nguyễn Phạm Thủy	Tiên	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Ngữ văn 9
109	109	Nguyễn Hồng Minh	Trúc	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Ngữ văn 9
110	110	Lê Xuân	Nghi	9/4	THCS Trần Quốc Toàn 1	Ngữ văn 9
111	111	Vũ Quỳnh	Trang	9/1	THCS Trần Quốc Toàn 1	Ngữ văn 9
112	112	Đỗ Gia	Anh	9A2	THCS Hiệp Phú	Ngữ văn 9
113	113	Phạm Ngọc	Hân	9/4	THCS Hiệp Phú	Ngữ văn 9
114	114	Nguyễn Hồng	Vinh	9A1	THCS Phú Hữu	Ngữ văn 9
115	115	Huỳnh Lưu Thục	Uyên	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Ngữ văn 9
116	116	Hoàng Thạch	Thảo	9A3	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
117	117	Lý Quỳnh	Anh	9A1	THCS Hiệp Bình	Ngữ văn 9
118	118	Hứa Nguyễn Tường	An	9A4	THCS Thái Văn Lung	Ngữ văn 9
119	119	Nguyễn Võ Thảo	Nguyên	9A4	THCS Thái Văn Lung	Ngữ văn 9
120	120	Nguyễn Ngọc Hà	My	9/6	THCS Trần Quốc Toàn 1	Ngữ văn 9
121	121	Nguyễn Hà	Minh	9TH1	THCS Lương Định Của	Ngữ văn 9
122	122	Lê Phạm Yên	Khánh	9A1	THCS An Phú	Ngữ văn 9
123	123	Đinh Ngọc	Hân	9A1	THCS An Phú	Ngữ văn 9
124	124	Hoàng Hương	Giang	9A1	THCS Nguyễn Thị Định	Ngữ văn 9
125	125	Hoàng Minh	Phương	9/1	THCS Bình An	Ngữ văn 9

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
126	126	Nguyễn Bạch	Dương	9A6	THCS Tân Phú	Ngữ văn 9
127	127	Bùi Khánh	Linh	9A1	THCS Long Trường	Ngữ văn 9
128	128	Châu Ngọc	Thảo	9A3	THCS Long Trường	Ngữ văn 9
129	129	Trần Thanh	Tuyền	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Ngữ văn 9
130	130	Trần Mỹ	Tâm	9.1	THCS Phước Bình	Ngữ văn 9
131	131	Nguyễn Thị Thùy	Trang	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Ngữ văn 9
132	132	Nguyễn Đặng Minh	Anh	9A2	THCS Ngô Chí Quốc	Ngữ văn 9
133	133	Võ Bảo	Lâm	9/1	THCS Lê Văn Việt	Ngữ văn 9
134	134	Trịnh Hoa	Lâm	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Ngữ văn 9
135	135	Nguyễn Bảo	Ngọc	9/1	THCS Xuân Trường	Ngữ văn 9
136	136	Nguyễn Thị Minh	Thu	9A9	THCS Bình Chiểu	Ngữ văn 9
137	137	Tô Hải	Vân	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Ngữ văn 9
138	138	Nguyễn Linh	Đan	9/3	THCS Bình An	Ngữ văn 9
139	139	Phạm Ánh	Dương	9B	THCS Cát Lái	Ngữ văn 9
140	140	Phạm Vương Quốc	Ân	9/2	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Ngữ văn 9
141	141	Bùi Ngọc Ngân	Khánh	9/4	THCS Thạnh Mỹ Lợi	Ngữ văn 9
142	142	Phạm Nhật Thực	Uyên	9/1	THCS Trần Quốc Toản 1	Ngữ văn 9
143	143	Trần Ngọc Anh	Thư	9/4	THCS Thạnh Mỹ Lợi	Ngữ văn 9
144	144	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	9A	THCS Cát Lái	Ngữ văn 9
145	145	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	9A3	THCS Lương Định Của	Ngữ văn 9
146	146	Tô Khánh	Ngọc	9/7	THCS Trần Quốc Toản 1	Ngữ văn 9
147	147	Hồ Ngọc Thanh	Hà	9A1	THCS Long Trường	Ngữ văn 9
148	148	Thượng Quốc	Đại	9A1	THCS Long Trường	Ngữ văn 9
149	149	Phạm Hải	My	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Ngữ văn 9
150	150	Tưởng Tuyết	Lâm	9A1	THCS Hưng Bình	Ngữ văn 9
151	151	Văng Ngọc Thủy	Tiên	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	Ngữ văn 9
152	152	Đinh Thị Hồng	Hoa	9/4	THCS Dương Văn Thi	Ngữ văn 9
153	153	Lê Ngọc Bảo	Hân	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Ngữ văn 9
154	154	Trương Thành	Đạt	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Ngữ văn 9
155	155	Nguyễn Bảo Hà	Vy	9A4	THCS Thái Văn Lung	Ngữ văn 9
156	156	Lê Nguyễn Phương	Trình	9A11	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn 9
157	157	Mai Trần Nhật	Nam	9A1	THCS An Phú	Ngữ văn 9
158	158	Phạm Ngọc Minh	Châu	9A2	TH, THCS & THPT Vinschool	Ngữ văn 9
159	159	Vũ Phương	Anh	9A1	THCS Hiệp Phú	Ngữ văn 9
160	160	Đặng Việt	Hoàn	9A1	THCS Tân Phú	Ngữ văn 9
161	161	Đào Ngọc Linh	Chi	9A7	THCS Hưng Bình	Ngữ văn 9
162	162	Nguyễn Chí	Thành	9/4	THCS Hiệp Phú	Ngữ văn 9
163	163	Nguyễn Ngọc Bảo	Nhi	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	Ngữ văn 9
164	164	Võ Thị Tuyết	Đan	9A7	THCS Hiệp Bình	Ngữ văn 9
165	165	Nguyễn Anh	Khôi	9A2	THCS Linh Trung	Ngữ văn 9
166	166	Nguyễn Đặng Mai	Hương	9/5	THCS Bình Thới	Ngữ văn 9
167	167	Phùng Thị Trúc	Nhi	9M	TH, THCS và THPT EMASI Vạn Phúc	Ngữ văn 9

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
168	168	Dương Hồ Uyên	Nhi	9/1	THCS Xuân Trường	Ngữ văn 9
169	169	Đào Mai Minh	Thư	9A6	THCS Hiệp Bình	Ngữ văn 9
170	170	Ngô Ánh	Tuyết	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Ngữ văn 9
171	171	Trương Ngọc Khánh	Phương	9/3	THCS Bình Thọ	Ngữ văn 9
172	172	Lại Thị Hồng	Vân	9/5	THCS Dương Văn Thi	Ngữ văn 9
173	173	Tổng Hải	Đăng	9ATH	THCS An Phú	Ngữ văn 9
174	174	Phạm Thảo	An	9/8	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	Ngữ văn 9
175	175	Phan Nguyễn Hải	Yến	9A1	THCS An Phú	Ngữ văn 9
176	176	Nguyễn Ngọc Như	Ý	9/2	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Ngữ văn 9
177	177	Hoàng Thùy	Tiên	9A1	THCS Tân Phú	Ngữ văn 9
178	178	Phạm Gia	Hân	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn 9
179	179	Nguyễn Ngọc Ý	Nhi	9A6	THCS Linh Đông	Ngữ văn 9
180	180	Nguyễn Ngọc Bảo	Nhi	9/7	THCS Tam Bình	Ngữ văn 9
181	181	Nguyễn Ngọc Khả	Vy	9A6	THCS Linh Đông	Ngữ văn 9
182	182	Lê	Vân	9A11	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn 9
183	183	Nguyễn Đỗ Thanh	Trúc	9/1	THCS Tam Bình	Ngữ văn 9
184	184	Phạm Lê Ánh	Dương	9B	THCS Cát Lái	Ngữ văn 9
185	185	Bùi Khánh	Ngọc	9/5	THCS Trần Quốc Toản 1	Ngữ văn 9
186	186	Nguyễn Ngọc Phương	Nghi	9A9	THCS Lương Định Của	Ngữ văn 9
187	187	Phạm Hương	Giang	9A1	THCS An Phú	Ngữ văn 9
188	188	Trần Nguyễn Phương	Vy	9A2	THCS An Phú	Ngữ văn 9
189	189	Phan Thu	An	9.4	THCS Phước Bình	Ngữ văn 9
190	190	Nguyễn Khoa	Diễn	9.3	THCS Phước Bình	Ngữ văn 9
191	191	Huỳnh Nhã	Kỳ	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Ngữ văn 9
192	192	Nguyễn Vân	Sương	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Ngữ văn 9
193	193	Nguyễn Ngọc Uyên	Như	9A5	THCS Tân Phú	Ngữ văn 9
194	194	Hoàng Thị Diễm	Như	9A1	THCS - THPT Hoa Sen	Ngữ văn 9
195	195	Ngô Thanh	Nhã	9A1	TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	Ngữ văn 9
196	196	Nguyễn Trần Hải	Nam	9A9	THCS Bình Chiểu	Ngữ văn 9
197	197	Nguyễn Thảo Thủy	Tiên	9A7	THCS Hiệp Bình	Ngữ văn 9
198	198	Đào Huyền	Trang	9A9	THCS Bình Chiểu	Ngữ văn 9
199	1	Lê Nguyễn Hồng	Phát	9A1	THCS Hiệp Phú	Toán 9
200	2	Phạm Đức	Đại	9/3	THCS Hoa Lư	Toán 9
201	3	Thạch Đặng Minh	Khang	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Toán 9
202	4	Lê Đức	Trung	9T1	THCS Hoa Lư	Toán 9
203	5	Lâm Tấn	Phát	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
204	6	Nguyễn Chánh	Tâm	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Toán 9
205	7	Bàn Viễn Thanh	Giang	9A7	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
206	8	Bành Tiến	Đạt	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Toán 9
207	9	Võ Đăng	Nhân	9/7	THCS Bình Thọ	Toán 9
208	10	Lữ Trần Quỳnh	Lan	9/7	THCS Trần Quốc Toản 1	Toán 9

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
209	11	Đặng Quỳnh	Như	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Toán 9
210	12	Đặng Thái	Vinh	9A3	THCS Hoa Lư	Toán 9
211	13	Hoàng Minh	Quân	9A3	THCS Hoa Lư	Toán 9
212	14	Đặng Ngọc Hoàng	Huy	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Toán 9
213	15	Huỳnh Tấn	Phát	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Toán 9
214	16	Nguyễn Phú	Trọng	9A3	THCS Hoa Lư	Toán 9
215	17	Nguyễn Hải	Đăng	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Toán 9
216	18	Nguyễn Đăng	Tâm	9/2	THCS Bình Thọ	Toán 9
217	19	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Toán 9
218	20	Nguyễn Trọng Đức	Huy	9/7	THCS Trần Quốc Toàn 1	Toán 9
219	21	Vũ Tấn	Tài	9/3	THCS Hoa Lư	Toán 9
220	22	Hồ Phương	Chi	9/1	THCS Bình Thọ	Toán 9
221	23	Trần Thị Thảo	Nguyên	9/1	THCS Lê Văn Việt	Toán 9
222	24	Huỳnh Đình	Triết	9/2	THCS Trường Thọ	Toán 9
223	25	Trịnh Ngọc	Hải	9A6	THCS Tân Phú	Toán 9
224	26	Nguyễn Đình Minh	Quân	9A8	THCS Trần Quốc Toàn	Toán 9
225	27	Hình Phước	Khanh	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Toán 9
226	28	Phan Quỳnh	Hương	9TH1	THCS Lương Định Của	Toán 9
227	29	Trương Phạm Khánh	Ngọc	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Toán 9
228	30	Lê Nguyễn Anh	Thy	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Toán 9
229	31	Trần Ngọc	Thọ	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Toán 9
230	32	Trần Đức	Huy	9A3	THCS Hoa Lư	Toán 9
231	33	Hoàng Ngọc Phương	Nhi	9A7	THCS Trần Quốc Toàn	Toán 9
232	34	Huỳnh Minh	Quân	9T1	THCS Hoa Lư	Toán 9
233	35	Phạm Trần Hải	Yến	9A8	THCS Trần Quốc Toàn	Toán 9
234	36	Nguyễn Tiến	Đạt	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Toán 9
235	37	Nguyễn Huy	Hoàng	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Toán 9
236	38	Nguyễn Hải	Bình	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Toán 9
237	39	Nguyễn Lê	Hoàng	9T2	THCS Hoa Lư	Toán 9
238	40	Nguyễn Thảo	Phước	9A8	THCS Trần Quốc Toàn	Toán 9
239	41	Nguyễn Trần Nhã	Trúc	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Toán 9
240	42	Hoàng Tiến	Đạt	9A10	THCS Bình Chiểu	Toán 9
241	43	Trần Quang	Huy	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Toán 9
242	44	Nguyễn Lê Đăng	Khoa	9/3	THCS Trương Văn Ngu	Toán 9
243	45	Nguyễn Ngọc An	Nhiên	9/3	THCS Bình Thọ	Toán 9
244	46	Võ Lê Bích	Trâm	9A7	THCS Nguyễn Văn Bá	Toán 9
245	47	Nguyễn Huỳnh Anh	Khoa	9.4	THCS Phước Bình	Toán 9
246	48	Cao Tường	Lam	9A11	THCS Lê Quý Đôn	Toán 9
247	49	Nguyễn Lê Phương	Vy	9/3	THCS Trương Văn Ngu	Toán 9
248	50	Hồ Gia	Huy	9TH1	THCS Lương Định Của	Toán 9
249	51	Chu Công	Thành	9/7	THCS Trần Quốc Toàn 1	Toán 9
250	52	Trần Khánh	Ngọc	9A6	THCS Tân Phú	Toán 9
251	53	Đỗ Trương Thành	Tài	9A1	THCS Hiệp Phú	Toán 9

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
252	54	Nguyễn Trần Bảo	Uyên	9A1	THCS Hoa Lư	Toán 9
253	55	Phạm Hoàng Bảo	Châu	9/2	THCS Bình Thọ	Toán 9
254	56	Đinh Thị Mai	Hương	9A10	THCS Bình Chiểu	Toán 9
255	57	Nguyễn Minh	Khôi	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Toán 9
256	58	Võ Tấn	Lộc	9A1	THCS Trường Thạnh	Toán 9
257	59	Huỳnh Vân	Khánh	9A5	THCS Linh Đông	Toán 9
258	60	Lường Cao	Son	9A10	THCS Bình Chiểu	Toán 9
259	61	Nguyễn Hoàng Phước	Sang	9A2	THCS Nguyễn Thị Định	Toán 9
260	62	Nguyễn Tuấn	Khoa	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
261	63	Lưu Bá Tuấn	Minh	9A1	THCS Hiệp Phú	Toán 9
262	64	Nguyễn Nhật	Duy	9A1	THCS Linh Trung	Toán 9
263	65	Nguyễn Thảo	Nhi	9A2	THCS An Phú	Toán 9
264	66	Nguyễn Phan Gia	Phú	9A2	THCS Hiệp Phú	Toán 9
265	67	Nguyễn Đăng	Dũng	9A10	THCS Bình Chiểu	Toán 9
266	68	Nguyễn Trọng	Khôi	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Toán 9
267	69	Bùi Phú Thiện	Nhân	9ATH	THCS An Phú	Toán 9
268	70	Nguyễn Khánh	Linh	9/5	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Toán 9
269	71	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	9A3	THCS Hoa Lư	Toán 9
270	72	Lê Quốc	Bảo	9.4	THCS Phước Bình	Toán 9
271	73	Phan Mỹ Hoàng	Anh	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Toán 9
272	74	Trần Phương	Vy	9A6	THCS Lương Định Của	Toán 9
273	75	Hồ Nguyễn	Hưng	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
274	76	Phạm Đông	Quân	9T2	THCS Hoa Lư	Toán 9
275	77	Nguyễn Võ Việt	Thanh	9.1	THCS Long Bình	Toán 9
276	78	Nguyễn Huy	Hoàng	9A2	THCS Nguyễn Văn Bá	Toán 9
277	79	Ngô Mai	Trân	9A10	THCS Bình Chiểu	Toán 9
278	80	Nguyễn Tiến	Dũng	9A5	THCS Tân Phú	Toán 9
279	81	Nguyễn Đăng Quỳnh	Chi	9.1	THCS Phước Bình	Toán 9
280	82	Huỳnh Phước	Huy	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Toán 9
281	83	Lê Minh	Nhật	9.3	THCS Phước Bình	Toán 9
282	84	Trương Tấn Thiên	Phúc	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	Toán 9
283	85	Bùi Phương	Uyên	9A8	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
284	86	Phạm Thùy	Dương	9A4	THCS Thái Văn Lung	Toán 9
285	87	Đào Tuấn	Khang	9A2	THCS Linh Trung	Toán 9
286	88	Cao Minh	Huy	9A1	THCS An Phú	Toán 9
287	89	Trần Ngọc Minh	Khanh	9A1	THCS Hưng Bình	Toán 9
288	90	Nguyễn Ngọc Gia	Khang	9/1	THCS Tam Bình	Toán 9
289	91	Trần An	Khánh	9A1	THCS An Phú	Toán 9
290	92	Vũ Hùng	Anh	9.1	THCS Phước Bình	Toán 9
291	93	Phạm Nguyễn Quỳnh	Như	9.1	THCS Phước Bình	Toán 9
292	94	Nguyễn Mai	Phương	9A3	THCS Hoa Lư	Toán 9
293	95	Vũ Trần Ngọc	Phúc	9.1	THCS Phước Bình	Toán 9
294	96	Nguyễn Quang	Hào	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Toán 9

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
295	97	Nguyễn Minh	Đức	9A3	THCS Hoa Lư	Toán 9
296	98	Ngô Minh	Đức	9T1	THCS Hoa Lư	Toán 9
297	99	Nguyễn Hải	Lâm	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	Toán 9
298	100	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	9.2	THCS Long Bình	Toán 9
299	101	Trần Nguyễn Phương	Hà	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Toán 9
300	102	Nguyễn Võ Thuỷ	Tiên	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Toán 9
301	103	Chu Nguyễn Quốc	Cường	9/3	THCS Trần Quốc Toản 1	Toán 9
302	104	Huỳnh	Nguyễn	9A3	THCS Lương Định Của	Toán 9
303	105	Trần Nguyễn Khả	Nhi	9A8	THCS Hưng Bình	Toán 9
304	106	Liêu Khánh	Ngọc	9A1	THCS Trường Thạnh	Toán 9
305	107	Đoàn Nguyễn Bảo	Ngọc	9A5	THCS Tân Phú	Toán 9
306	108	Nguyễn Quốc Bảo	Nam	9A7	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
307	109	Nguyễn Thanh	Hải	9A1	THCS Hiệp Bình	Toán 9
308	110	Trịnh Quốc	Định	9A9	THCS Bình Chiểu	Toán 9
309	111	Ca Hồ Bảo	Nam	9A2	THCS Lê Quý Đôn	Toán 9
310	112	Nguyễn Thế	Thuận	9A7	THCS Hiệp Bình	Toán 9
311	113	Lê Ngọc	Diệp	9A1	THCS An Phú	Toán 9
312	114	Nguyễn Thuỳ	Dương	9/7	THCS Trần Quốc Toản 1	Toán 9
313	115	Ông Gia	Phát	9/7	THCS Trần Quốc Toản 1	Toán 9
314	116	Huỳnh Trí	Thành	9A1	THCS An Phú	Toán 9
315	117	Trần Võ Minh	Triết	9T2	THCS Hoa Lư	Toán 9
316	118	Dương Nguyễn Hoài	An	9/1	THCS Xuân Trường	Toán 9
317	119	Nguyễn Trần Gia	Hình	9/1	THCS Trương Văn Ngu	Toán 9
318	120	Phạm Khánh	Linh	9A1	THCS Linh Trung	Toán 9
319	121	Mai Đông	Quỳnh	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Toán 9
320	122	Vòng Lê Minh	Uyên	9A1	THCS Linh Đông	Toán 9
321	123	Đỗ Quỳnh	Châu	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Toán 9
322	124	Phạm Hoàng	Hải	9/1	THCS Bình An	Toán 9
323	125	Nguyễn Ngọc Thảo	Hân	9A2	THCS Hoa Lư	Toán 9
324	126	Hoàng Thái	Dương	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	Toán 9
325	127	Phạm Hải	An	9A7	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
326	128	Nguyễn Quang	Huy	9A1	THCS Tân Phú	Toán 9
327	129	Đặng Thông	Tấn	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	Toán 9
328	130	Trần Văn Minh	Hùng	9/5	THCS Bình Thọ	Toán 9
329	131	Phạm Hoàng Mộc	Lam	9/5	THCS Bình Thọ	Toán 9
330	132	Phạm Minh	Khôi	9A3	THCS Linh Đông	Toán 9
331	133	Phạm Hữu Nguyên	Khang	9/5	THCS Trần Quốc Toản 1	Toán 9
332	134	Nguyễn Bình	Minh	9/6	THCS Trần Quốc Toản 1	Toán 9
333	135	Nguyễn Anh	Khôi	9.1	THCS Phước Bình	Toán 9
334	136	Mai Đức Tùng	Lĩnh	9A7	THCS Hiệp Bình	Toán 9
335	137	Nguyễn Thanh Tiến	Nam	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Toán 9
336	138	Trần Nguyễn Minh	Thiên	9/2	THCS Bình Thọ	Toán 9
337	139	Nguyễn Hoàng Gia	Phúc	9A7	THCS Hiệp Bình	Toán 9

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
338	140	Văn Triệu	Vũ	9/1	THCS Giồng Ông Tố	Toán 9
339	141	Trịnh Minh	Huy	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
340	142	Nguyễn Viết	Trí	9.1	THCS Phước Bình	Toán 9
341	143	Nguyễn Quỳnh	Như	9/1	THCS Xuân Trường	Toán 9
342	144	Vũ Ngọc Thiên	An	9/2	THCS Trần Quốc Toản 1	Toán 9
343	145	Phạm Kim Cao	Hưng	9A7	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
344	146	Hoàng Minh	Phúc	9A4	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
345	147	Nguyễn Hoàng Khánh	Vy	9A6	THCS Tân Phú	Toán 9
346	148	Lê Hồ Minh	Trí	9A1	THCS Tân Phú	Toán 9
347	149	Bùi Hà	Trang	9.2	THCS Phước Bình	Toán 9
348	150	Phạm Thế	Bảo	9/1	THCS Trương Văn Ngu	Toán 9
349	151	Vương	Tuấn	9A5	THCS Linh Đông	Toán 9
350	152	Cao Mạnh	Tuấn	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Toán 9
351	153	Nguyễn Toàn	Thịnh	9/1	THCS Xuân Trường	Toán 9
352	154	Nguyễn Mạnh	Quân	9/2	THCS Bình An	Toán 9
353	155	Nguyễn Văn Tuấn	Kiệt	9A1	THCS Hoa Lư	Toán 9
354	156	Ngô Ngọc Bình	Minh	9A6	THCS Tân Phú	Toán 9
355	157	Nguyễn Hữu	Khôi	9A1	THCS Hiệp Phú	Toán 9
356	158	Nguyễn Mạnh	Tường	9.3	THCS Phước Bình	Toán 9
357	159	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Toán 9
358	160	Chu Gia	Bảo	9A11	THCS Lê Quý Đôn	Toán 9
359	161	Chu Thiên Ngọc	Loan	9A11	THCS Lê Quý Đôn	Toán 9
360	162	Nguyễn Nam	Khang	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Toán 9
361	163	Lê Vĩnh	Khang	9A6	THCS Lương Định Của	Toán 9
362	164	Lê Thị Thu	Thủy	9/3	THCS Thạnh Mỹ Lợi	Toán 9
363	165	Trần Bảo Gia	An	9.4	THCS Phước Bình	Toán 9
364	166	Mai Tuấn	Quang	9A1	THCS Linh Đông	Toán 9
365	167	Phạm Minh	Vũ	9A2	THCS Linh Trung	Toán 9
366	168	Lê Việt	Anh	9/1	THCS Giồng Ông Tố	Toán 9
367	169	Lê Nam	Anh	9/1	THCS Trần Quốc Toản 1	Toán 9
368	170	Phạm Ngọc Thu	Giang	9TH2	THCS Lương Định Của	Toán 9
369	171	Phạm Trần Tiến	Nam	9/4	THCS Trần Quốc Toản 1	Toán 9
370	172	Thị Hoàng	Minh	9.L4	TH, THCS và THPT Việt Úc	Toán 9
371	173	Phạm Tuấn	Minh	9A	THCS Cát Lái	Toán 9
372	174	Hứa Quốc	Bảo	9A1	THCS Hiệp Phú	Toán 9
373	175	Nguyễn Huy	Hoàng	9.1	THCS Phước Bình	Toán 9
374	176	Nguyễn Dương Thành	Nhật	9A1	THCS Hiệp Phú	Toán 9
375	177	Vũ Lê Như	Ngọc	9A7	THCS Hiệp Bình	Toán 9
376	178	Phạm Thị Ngọc	Thanh	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Toán 9
377	179	Nguyễn Minh	Đức	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Toán 9
378	180	Nguyễn Hoàng	Nam	9/1	THCS Lê Văn Việt	Toán 9

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
379	181	Bùi Xuân	Thắng	9/1	THCS Trương Văn Ngu	Toán 9
380	182	Phạm Vũ Ý	Huy	9/1	THCS Giồng Ông Tố	Toán 9
381	183	Đặng Thành	Tài	9/1	THCS Giồng Ông Tố	Toán 9
382	184	Phạm Hoàng	Anh	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Toán 9
383	185	Trần Xuân	Hiếu	9.4	THCS Phước Bình	Toán 9
384	186	Nguyễn Hải	Anh	9/6	THCS Dương Văn Thi	Toán 9
385	187	Nguyễn Công	Đông	9/1	THCS Xuân Trường	Toán 9
386	188	Bùi Hoàng Tuấn	Khoa	9A7	THCS Hiệp Bình	Toán 9
387	189	Nguyễn Phúc	Thịnh	9A2	THCS Linh Đông	Toán 9
388	1	Trần Thanh	Loan	9/4	THCS Bình Thọ	Tiếng Anh 9
389	2	Nguyễn Minh	Nguyệt	9/2	THCS Trần Quốc Toàn 1	Tiếng Anh 9
390	3	Lê Khải	Anh	9/2	THCS Trần Quốc Toàn 1	Tiếng Anh 9
391	4	Trần Ngọc Hiếu	Nghi	9A3	THCS Lương Định Của	Tiếng Anh 9
392	5	Phạm Hùng	Phú	9/1	THCS Bình An	Tiếng Anh 9
393	6	Nguyễn Lê Khánh	Huyền	9A7	THCS Trần Quốc Toàn	Tiếng Anh 9
394	7	Trần Nguyễn Đăng	Khoa.	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Tiếng Anh 9
395	8	Phan Minh	Quân	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh 9
396	9	Mã Minh	Toàn	9A3	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
397	10	Nguyễn Tấn	Phát	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh 9
398	11	Trần Hoàng	Quân	9T1	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
399	12	Nguyễn Gia	Kỳ	9A3	THCS Hiệp Phú	Tiếng Anh 9
400	13	Nguyễn Thị Kim	Ngân	9A9	THCS Trần Quốc Toàn	Tiếng Anh 9
401	14	Đào Gia	Lương	9/8	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	Tiếng Anh 9
402	15	Hồ Ngọc Thủy	Trúc	9/3	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
403	16	Phạm Gia	Khánh	9A1	THCS Hưng Bình	Tiếng Anh 9
404	17	Nguyễn Khánh Trường	Giang	9A3	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
405	18	Thái Xuân Quang	Nghị	9/4	THCS Trần Quốc Toàn 1	Tiếng Anh 9
406	19	Bùi Nguyễn Khánh	Duy	9A3	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
407	20	Hồ Quang	Minh	9/3	THCS Bình Thọ	Tiếng Anh 9
408	21	Hoàng Gia	Trường	9TH1	THCS Lương Định Của	Tiếng Anh 9
409	22	Nguyễn Ngọc	Phúc	9A2	TH, THCS & THPT Vinschool	Tiếng Anh 9
410	23	Hoàng Thọ Minh	Khoa	9/4	THCS Bình Thọ	Tiếng Anh 9
411	24	Nguyễn Phương	Nghi	9/2	THCS Trường Thọ	Tiếng Anh 9
412	25	Bùi Nguyễn Minh	Nguyệt	9A7	THCS Trần Quốc Toàn	Tiếng Anh 9
413	26	Huỳnh Trương Minh	Thắng	9A3	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
414	27	Mai Quỳnh	Nguyên	9B1	TH, THCS & THPT Vinschool	Tiếng Anh 9
415	28	Nguyễn Hoàng Tú	Anh	9B1	TH, THCS & THPT Vinschool	Tiếng Anh 9
416	29	Trần Ngọc Phương	Mai	9A9	THCS Trần Quốc Toàn	Tiếng Anh 9
417	30	Nguyễn Hà Mộc	Lan	9/7	THCS Bình Thọ	Tiếng Anh 9

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
418	31	Nguyễn Sỹ Khánh	Hưng	9/2	THCS Trần Quốc Toàn 1	Tiếng Anh 9
419	32	Đỗ Đặng Bảo	Ngọc	9A6	THCS Tân Phú	Tiếng Anh 9
420	33	Đoàn Minh	Khôi	9/2	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Tiếng Anh 9
421	34	Hoàng Tuấn	Phong	9A3	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
422	35	Hồ Đắc	Huy	9A6	THCS Tân Phú	Tiếng Anh 9
423	36	Lê Huỳnh Bảo	Tiên	9T1	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
424	37	Phạm Quang	Đông	9TH1	THCS Lương Định Của	Tiếng Anh 9
425	38	Đinh Lữ Thanh	Trúc	9/6	THCS Trần Quốc Toàn 1	Tiếng Anh 9
426	39	Trần Đặng Gia	Phát	9/1	THCS Dương Văn Thi	Tiếng Anh 9
427	40	Nguyễn Minh	Sơn	9/1	THCS Tam Bình	Tiếng Anh 9
428	41	Nguyễn Thị Minh	Tú	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Tiếng Anh 9
429	42	Hồ Thanh	Nghiêm	9/2	THCS Thạnh Mỹ Lợi	Tiếng Anh 9
430	43	Phạm Quang	Huy	9.4	THCS Phước Bình	Tiếng Anh 9
431	44	Phan Đông	Nghi	9A3	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
432	45	Trần Lê Khải	Hoàn	9A1	TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	Tiếng Anh 9
433	46	Đào Tuấn	Nguyên	9A5	THCS Tân Phú	Tiếng Anh 9
434	47	Nguyễn Vương Minh	Anh	9/3	THCS Bình Thọ	Tiếng Anh 9
435	48	Phạm Nhật	Long	9/1	THCS Tam Bình	Tiếng Anh 9
436	49	Trần Hoàng	Như	9/7	THCS Bình Thọ	Tiếng Anh 9
437	50	Nguyễn Hà Phương	Anh	9ATH	THCS An Phú	Tiếng Anh 9
438	51	Đào Minh	Ngọc	9/6	THCS Trần Quốc Toàn 1	Tiếng Anh 9
439	52	Vũ Tạ Hải	Yến	9T1	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
440	53	Nguyễn Á	Minh	9/1	THCS Trần Quốc Toàn 1	Tiếng Anh 9
441	54	Đoàn Gia	Minh	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Tiếng Anh 9
442	55	Lê Quang	Đạt	9/8	THCS Trần Quốc Toàn 1	Tiếng Anh 9
443	56	Huỳnh Hải	Minh	9/7	THCS Trần Quốc Toàn 1	Tiếng Anh 9
444	57	Trần Nam	Khang	9A3	THCS Linh Đông	Tiếng Anh 9
445	58	Đỗ Duy Thảo	Vy	9/1	THCS Trường Thọ	Tiếng Anh 9
446	59	Lê Đức	Vinh	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Tiếng Anh 9
447	60	Ngô Hoàng Lê	Hân	9/4	THCS Bình Thọ	Tiếng Anh 9
448	61	Đặng Trần Bảo	Tiến	9A3	THCS Lương Định Của	Tiếng Anh 9
449	62	Trịnh Anh	Tú	9T2	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
450	63	Võ Nhật	Phương	9A1	THCS Tân Phú	Tiếng Anh 9
451	64	Lê Ngọc	Hân	9A1	THCS Linh Trung	Tiếng Anh 9
452	65	Lê Phương	Anh	9/8	THCS Trần Quốc Toàn 1	Tiếng Anh 9
453	66	De Groot Minh	Anh	9.L3	TH, THCS và THPT Việt Úc	Tiếng Anh 9
454	67	Huỳnh Ngọc Minh	Thư	9/4	THCS Trần Quốc Toàn 1	Tiếng Anh 9
455	68	Trần Vương	Tuấn	9.L4	TH, THCS và THPT Việt Úc	Tiếng Anh 9
456	69	Ngô Bảo	Tín	9/3	THCS Thạnh Mỹ Lợi	Tiếng Anh 9
457	70	Lâm Nhã	Uyên	9A8	THCS Trần Quốc Toàn	Tiếng Anh 9
458	71	Võ Như	Quỳnh	9T1	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
459	72	Trần Ngọc Khánh	Chi	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh 9
460	73	Nguyễn Ngọc	Khôi	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Tiếng Anh 9
461	74	Quan Minh	Triết	9M	TH, THCS và THPT EMASI Vạn Phúc	Tiếng Anh 9
462	75	Trương Võ Lam	Anh	9A11	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh 9
463	76	Lê Hoàng Phúc	Như	9/7	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	Tiếng Anh 9
464	77	Dương Quang Minh	Khoa	9.2	THCS Phước Bình	Tiếng Anh 9
465	78	Nguyễn Thảo	Trúc	9A2	THCS Thái Văn Lung	Tiếng Anh 9
466	79	Phạm Linh	Đan	9T1	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
467	80	Nguyễn Duy	Hưng	9A7	THCS Trần Quốc Toàn	Tiếng Anh 9
468	81	Thạch Sơn Anh	Kiệt	9/4	THCS Trương Văn Ngu	Tiếng Anh 9
469	82	Võ Ngọc Phương	Nghi	9A2	THCS Linh Trung	Tiếng Anh 9
470	83	Vương Thùy	Lâm	9.L4	TH, THCS và THPT Việt Úc	Tiếng Anh 9
471	84	Nguyễn Bá	Thành	9/8	THCS Trần Quốc Toàn 1	Tiếng Anh 9
472	85	Vũ Nguyễn Lâm	Như	9B1	TH, THCS & THPT Vinschool	Tiếng Anh 9
473	86	Đỗ Bảo Thiên	Phúc	9A7	THCS Hiệp Bình	Tiếng Anh 9
474	87	Đỗ Quang Minh	Trí	9M	TH, THCS và THPT EMASI Vạn Phúc	Tiếng Anh 9
475	88	Nguyễn Ngọc Tùng	Linh	9/7	THCS Trần Quốc Toàn 1	Tiếng Anh 9
476	89	Trần Phúc	Thịnh	9A2	THCS Nguyễn Thị Định	Tiếng Anh 9
477	90	Bùi Khánh	Đoan	9T2	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
478	91	Nguyễn Bảo	Cường	9T1	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
479	92	Vũ Lê Khánh	Ngọc	9A7	THCS Hiệp Bình	Tiếng Anh 9
480	93	Hồ Chí Bảo	Lộc	9/8	THCS Trần Quốc Toàn 1	Tiếng Anh 9
481	94	Trần Long Bảo	Phúc	9A3	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
482	95	Trần Đức	Trung	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	Tiếng Anh 9
483	96	Ngô Hà	Đăng	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Tiếng Anh 9
484	97	Nguyễn Phạm Phương	Nghi	9A4	THCS Thái Văn Lung	Tiếng Anh 9
485	98	Thái Hoàng Diễm	Linh	9A3	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
486	99	Đinh Nguyễn Bảo	Hân	9A7	THCS Hiệp Bình	Tiếng Anh 9
487	100	Phan Trọng	Tấn	9ATH	THCS An Phú	Tiếng Anh 9
488	101	Nguyễn Minh	Đức	9.10	THCS Phước Bình	Tiếng Anh 9
489	102	Nguyễn Hải	Yến	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	Tiếng Anh 9
490	103	Đỗ Thanh	Ngân	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Tiếng Anh 9
491	104	Huỳnh Minh	Nhật	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Tiếng Anh 9
492	105	Nguyễn Vũ	Nam	9.L4	TH, THCS và THPT Việt Úc	Tiếng Anh 9
493	106	Lê Duy	Hưng	9.1	THCS Phước Bình	Tiếng Anh 9
494	107	Long Phúc Bình	Minh	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh 9
495	108	Nguyễn Hoàng Hương	Giang	9.L4	TH, THCS và THPT Việt Úc	Tiếng Anh 9

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
496	109	Lê Hoàng Minh	Khoa	9.L4	TH, THCS và THPT Việt Úc	Tiếng Anh 9
497	110	Trần Phan Quỳnh	Như	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Tiếng Anh 9
498	111	Trương Triệu	Ngân	9A9	THCS Trần Quốc Toàn	Tiếng Anh 9
499	112	Lê Đức	Minh	9/8	THCS Trần Quốc Toàn 1	Tiếng Anh 9
500	113	Đinh Thiên	Hương	9A9	THCS Trần Quốc Toàn	Tiếng Anh 9
501	114	Vũ Hoàng Linh	Nghi	9A1	THCS Bình Chiểu	Tiếng Anh 9
502	115	Nguyễn Đan	Thanh	9A7	THCS Hiệp Bình	Tiếng Anh 9
503	116	Nguyễn Mạnh	Tân	9/2	THCS Bình Thọ	Tiếng Anh 9
504	117	Ngô Bảo Ngân	Kim	9/8	THCS Trần Quốc Toàn 1	Tiếng Anh 9
505	118	Phạm Hà Ngọc	Hân	9TH2	THCS Lương Định Của	Tiếng Anh 9
506	119	Huỳnh Dương Nhã	Vy	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Tiếng Anh 9
507	120	Phạm Châu Gia	Quốc	9A3	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
508	121	Phạm Hà Hân	Anh	9A1	THCS Linh Đông	Tiếng Anh 9
509	122	Nguyễn Nhã	Đan	9/6	THCS Trần Quốc Toàn 1	Tiếng Anh 9
510	123	Huỳnh Sa	Biên	9A1	THCS An Phú	Tiếng Anh 9
511	124	Đoàn Thiên Hồng	Ân	9A3	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
512	125	Nguyễn Vũ	Thịnh	9A8	THCS Trần Quốc Toàn	Tiếng Anh 9
513	126	Nguyễn Vương	Khôi	9/1	THCS Lê Văn Việt	Tiếng Anh 9
514	127	Chu Quang	Nam	9/1	THCS Trần Quốc Toàn 1	Tiếng Anh 9
515	128	Ngô Thiên	An	9.2	THCS Long Bình	Tiếng Anh 9
516	129	Lê Trần Sỹ	Long	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	Tiếng Anh 9
517	130	Thái Huỳnh Gia	Hân	9A1	THCS Hưng Bình	Tiếng Anh 9
518	131	Lê Mai	Anh	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh 9
519	132	Nguyễn Minh	Quân	9A4	THCS Thái Văn Lung	Tiếng Anh 9
520	133	Nguyễn Hoàng Thảo	Nguyên	9/7	THCS Trần Quốc Toàn 1	Tiếng Anh 9
521	134	Trần Đình Bảo	Duy	9TC	THCS Trường Thạnh	Tiếng Anh 9
522	135	Đặng Ngọc Tường	Vy	9A2	TH, THCS & THPT Vinschool	Tiếng Anh 9
523	136	Nguyễn Tuấn	Khải	9A1	THCS Linh Trung	Tiếng Anh 9
524	137	Đinh Ngọc Sáng	Thành	9/2	THCS Trường Thọ	Tiếng Anh 9
525	138	Hoàng Duy Quốc	Việt	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Tiếng Anh 9
526	139	Lê Bảo	Châu	9.L4	TH, THCS và THPT Việt Úc	Tiếng Anh 9
527	140	Nguyễn Phúc Thiên	Thư	9A1	THCS Nguyễn Thị Định	Tiếng Anh 9
528	141	Vũ Bảo	Hân	9/4	THCS Thạnh Mỹ Lợi	Tiếng Anh 9
529	142	Võ Ái	Nhân	9.L4	TH, THCS và THPT Việt Úc	Tiếng Anh 9
530	143	Trương Hạo	Nhiên	9A1	THCS Hiệp Phú	Tiếng Anh 9
531	144	Quách Nguyễn Bảo	Ngọc	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh 9
532	145	Lê Việt	An	9.2	THCS Phước Bình	Tiếng Anh 9
533	146	Lê Trà Uyên	Nhi	9A1	THCS Hiệp Phú	Tiếng Anh 9
534	147	Vũ Minh	Đức	9A2	THCS Linh Đông	Tiếng Anh 9
535	148	Nguyễn Khánh	Linh	9A1	THCS Linh Trung	Tiếng Anh 9

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
536	149	Đặng Hải	Đặng	9ATH	THCS An Phú	Tiếng Anh 9
537	150	Lưu Hoàng Minh	Khôi	9.L3	TH, THCS và THPT Việt Úc	Tiếng Anh 9
538	151	Nguyễn Ngọc Giáng	My	9/8	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	Tiếng Anh 9
539	152	Nguyễn Duy	Anh	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Tiếng Anh 9
540	153	Nguyễn Đức	Tài	9.2	THCS Long Bình	Tiếng Anh 9
541	154	Nguyễn Thành	Huân	9/1	THCS Tam Bình	Tiếng Anh 9
542	155	Nguyễn Thanh	Hiền	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh 9
543	156	Đỗ Hương	Giang	9A9	THCS Bình Chiểu	Tiếng Anh 9
544	157	Võ Tiến	Minh	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Tiếng Anh 9
545	158	Đoàn Gia	Phát	9/2	THCS Trường Thọ	Tiếng Anh 9
546	159	Trần Hoàng	Yến	9A2	THCS Linh Trung	Tiếng Anh 9
547	160	Đặng Nguyên	Vũ	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Tiếng Anh 9
548	161	Nguyễn Duy	An	9.L3	TH, THCS và THPT Việt Úc	Tiếng Anh 9
549	162	Dương Bảo	Nhi	9A1	THCS Hiệp Phú	Tiếng Anh 9
550	163	Lai Tổng Mộc	Trần	9.3	THCS Phước Bình	Tiếng Anh 9
551	164	Hoàng Thanh	Lâm	9A1	THCS Linh Đông	Tiếng Anh 9
552	165	Nguyễn Thành	Khang	9ATH	THCS An Phú	Tiếng Anh 9
553	166	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	9A1	THCS Hiệp Phú	Tiếng Anh 9
554	167	Lưu Minh	Quân	9A1	THCS Hiệp Phú	Tiếng Anh 9
555	168	Trần Nguyễn Ngọc	Diệp	9A1	THCS Linh Đông	Tiếng Anh 9
556	169	Trần Quang	Huy	9A5	THCS Linh Đông	Tiếng Anh 9
557	170	Nguyễn Vũ Bảo	Hân	9A1	THCS Linh Đông	Tiếng Anh 9
558	171	Trương Nguyễn Bảo	Lâm	9A7	THCS Hiệp Bình	Tiếng Anh 9
559	172	Trần Huỳnh Bảo	Thy	9A7	THCS Hiệp Bình	Tiếng Anh 9
560	173	Đào Mai Ngọc	Quyên	9A4	THCS Thái Văn Lung	Tiếng Anh 9
561	174	Đỗ Thành	Trung	9A4	THCS Thái Văn Lung	Tiếng Anh 9
562	175	Dương Xuân Tuấn	Anh	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Tiếng Anh 9
563	176	Phan Vinh	Hiền	9.1	THCS Phước Bình	Tiếng Anh 9
564	177	Trương Tấn Nguyên	Khôi	9/1	THCS Lê Văn Việt	Tiếng Anh 9
565	178	Nguyễn Gia	Khang	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh 9
566	179	Dương Khánh	Ngọc	9/1	THCS Bình Thọ	Tiếng Anh 9
567	180	Lâm Hoàng	Minh	9/2	THCS Trường Thọ	Tiếng Anh 9
568	181	Trần Quang	Kiệt	9TC	THCS Trường Thạnh	Tiếng Anh 9
569	182	Lê Thanh	Vân	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Tiếng Anh 9
570	183	Huỳnh Phạm Minh	Huy	9/2	THCS Trường Thọ	Tiếng Anh 9
571	184	Nguyễn Thành Đăng	Khoa	9A3	THCS Hiệp Bình	Tiếng Anh 9
572	185	Nguyễn Quỳnh Nhã	Phương	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh 9
573	186	Mai Châu	Giang	9A2	THCS Nguyễn Thị Định	Tiếng Anh 9
574	187	Lê Minh	Nhật	9A1	THCS Hưng Bình	Tiếng Anh 9
575	188	Hồ Ngọc Phương	Linh	9/3	THCS Bình Thọ	Tiếng Anh 9
576	189	Nguyễn Phan Minh	Kha	9/8	THCS Trần Quốc Toản 1	Tiếng Anh 9

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
577	190	Nguyễn Thùy	Dương	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	Tiếng Anh 9
578	191	Nguyễn Văn	Phương	9.2	THCS Phước Bình	Tiếng Anh 9
579	192	Vũ Thị Châu	Anh	9/2	THCS Bình Thọ	Tiếng Anh 9
580	193	Lê Trần Tuấn	Kiệt	9/1	THCS Trường Thọ	Tiếng Anh 9
581	194	Đường Thanh	Hà	9ATH	THCS An Phú	Tiếng Anh 9
582	195	Phạm Ngọc Hoàng	Oanh	9/1	THCS Bình An	Tiếng Anh 9
583	196	Lê Khôi	Nguyên	9A3	THCS Hiệp Phú	Tiếng Anh 9
584	197	Lê Vĩnh	Thụy	9A2	THCS Linh Trung	Tiếng Anh 9
585	198	Nguyễn Thị Thùy	Vân	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh 9
586	199	Nguyễn Hồng Uyên	Nhi	9/5	THCS Trường Thọ	Tiếng Anh 9
587	200	Hoàng Diệu	Ngọc	9A1	THCS Tân Phú	Tiếng Anh 9
588	201	Mai Anh	Quân	9A1	THCS Hưng Bình	Tiếng Anh 9
589	202	Nguyễn Hà	Linh	9/1	THCS Bình Thọ	Tiếng Anh 9
590	203	Nguyễn Bá	Phước	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Tiếng Anh 9
591	204	Võ Lâm Thanh	Trúc	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh 9
592	205	Huỳnh Nguyễn Tuấn	Khôi	9TH1	THCS Lương Định Của	Tiếng Anh 9
593	206	Ngô Trường Nguyên	Khang	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Tiếng Anh 9
594	207	Lương Gia	Bảo	9A1	THCS Hiệp Phú	Tiếng Anh 9
595	208	Vương Trần Anh	Khoa	9/1	THCS Trường Thọ	Tiếng Anh 9
596	209	Nguyễn Mậu Quỳnh	Na	9A2	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh 9
597	210	Đào Trúc	Phương	9/1	THCS Tam Bình	Tiếng Anh 9
598	211	Nguyễn Phú An	Nhiên	9A1	THCS Linh Đông	Tiếng Anh 9
599	1	Nguyễn Gia	Bảo	9/3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
600	2	Hồ Hải	Đăng	9TH2	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
601	3	Nguyễn Thái	Khang	9A1	THCS Tân Phú	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
602	4	Hà Trịnh Minh	Quốc	9/6	THCS Trần Quốc Toản 1	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
603	5	Nguyễn Đình Gia	Phát	9A3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
604	6	Vũ Ngọc Diệu	Linh	9A3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
605	7	Nguyễn Thanh	Bình	9/3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
606	8	Trần Phước	Lộc	9A1	THCS An Phú	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
607	9	Nguyễn Gia	Phúc	9T1	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
608	10	Đào Anh	Khoa	9A4	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
609	11	Trần Minh	Đức	9T1	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
610	12	Trần Ngô Trung	Nghĩa	9A1	THCS Trần Quốc Toản	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
611	13	Phạm Minh	Hoàng	9A2	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
612	14	Trần Đình Minh	Phát	9A1	THCS Tân Phú	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
613	15	Bùi Hải	Đăng	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
614	16	Phạm Trung	Kiên	9A3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
615	17	Đinh Quang	Trường	9A1	THCS Trần Quốc Toản	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
616	18	Nguyễn Quỳnh	Chi	9A1	THCS An Phú	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
617	19	Đinh Hữu Quang	Nhân	9/3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
618	20	Phạm Tuấn	Long	9A3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
619	21	Bùi Đăng	Khoa	9.3	THCS Phước Bình	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
620	22	Thân Quốc	Thái	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
621	23	Phạm Thùy	Linh	9TH2	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
622	24	Nguyễn Hoàng	Khang	9.3	THCS Phước Bình	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
623	25	Trương Thế	Anh	9A1	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
624	26	Nguyễn Công Kiều	Anh	9/4	THCS Hiệp Phú	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
625	27	Điền Ngọc Bảo	Trân	9A1	THCS Hiệp Phú	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
626	28	Phạm Nhật	Khánh	9T1	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
627	29	Nguyễn Võ Minh	Thư	9/3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
628	30	Hoàng Chung	Hải	9TH2	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
629	31	Nguyễn Minh Quỳnh	Thư	9A1	THCS Trần Quốc Toản	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
630	32	Nguyễn Quang	Anh	9/8	THCS Trần Quốc Toản 1	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
631	33	Trần Hải Kim	Ngân	9A3	THCS Hưng Bình	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
632	34	Nguyễn Công Thành	Luân	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
633	35	Đinh Hoàng	Phúc	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
634	36	Phạm Ngọc	Thành	9TH1	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
635	37	Nguyễn Đăng	Khôi	9T1	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
636	38	Phạm Nguyễn Gia	Thịnh	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
637	39	Lý Bá	Tùng	9A4	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
638	40	Nguyễn Mạnh Hoàng	Tuấn	9A1	THCS Tân Phú	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
639	41	Lâm Hải	My	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
640	42	Nguyễn Hữu Hải	Đặng	9TC	THCS Trường Thạnh	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
641	43	Lê Chí	Công	9/8	THCS Hiệp Phú	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
642	44	Nguyễn Thanh	Tâm	9A1	THCS Trần Quốc Toản	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
643	45	Dương Nguyễn Anh	Thơ	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
644	46	Lê Ngọc Nhất	Linh	9A1	THCS Tân Phú	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
645	47	Thi Gia	Phú	9/1	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
646	48	Lý Tuấn	Phong	9.3	THCS Phước Bình	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
647	49	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
648	50	Trần Vĩnh	Tường	9/3	THCS Bình Thới	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
649	51	Đinh Việt	Hoàng	9/3	THCS Thạnh Mỹ Lợi	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
650	52	Đinh Vũ Thanh	Hà	9A4	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
651	53	Huỳnh Ngọc Khánh	Chi	9/7	THCS Trần Quốc Toản 1	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
652	54	Lê Phương	Thùy	9A6	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
653	55	Võ Hoàng Kim	Ngân	9A5	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
654	56	Trần Nguyễn Bảo	Nam	9/4	THCS Hiệp Phú	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
655	57	Nguyễn Bảo	Ngọc	9A4	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
656	58	Trì Huỳnh Phương	Nam	9A2	THCS An Phú	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
657	59	Trần Khả	Nhi	9A1	THCS Tân Phú	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
658	60	Nguyễn Ngọc Thảo	My	9A3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
659	61	Lê Nguyễn Hoàng	Minh	9/4	THCS Trương Văn Ngu	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
660	62	Phạm Hữu	An	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
661	63	Trần Hồng Tấn	Phát	9A11	THCS Lê Quý Đôn	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
662	64	Lê Ngọc Khả	Tú	9A4	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
663	65	Phan Ngọc Bảo	Minh	9/3	THCS Trần Quốc Toản 1	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
664	66	Nguyễn Bảo	Hân	9A1	THCS Phú Hữu	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
665	67	Trần Hoàng Linh	Vi	9A3	THCS Hiệp Phú	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
666	68	Huỳnh Anh	Khoa	9A2	THCS Linh Trung	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
667	69	Phạm Hùng	Anh	9A11	THCS Lê Quý Đôn	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
668	70	Huỳnh Đức Kiến	An	9.L4	TH, THCS và THPT Việt Úc	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
669	71	Nguyễn Ngọc	Hân	9A1	THCS Trường Thạnh	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
670	72	Trần Trung	Cường	9A1	THCS Long Phước	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
671	73	Phạm Tài	Lộc	9A10	THCS Bình Chiểu	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
672	74	Đặng Phương	Linh	9A2	THCS Nguyễn Văn Bá	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
673	75	Trần Nguyễn Phương	Nhi	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
674	76	Nguyễn Ngọc Diễm	My	9A1	THCS Lê Quý Đôn	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
675	77	Vũ Nhật	Minh	9A11	THCS Lê Quý Đôn	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
676	78	Phan Gia	Hân	9TH2	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
677	79	Lê Ngô Quỳnh	Như	9A1	TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
678	80	Lê Trần Tùng	Minh	9A11	THCS Lê Quý Đôn	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
679	81	Lê Quốc	Huy	9/3	THCS Thạnh Mỹ Lợi	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
680	82	Nguyễn Quốc	Cường	9.3	THCS Phước Bình	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
681	83	Đỗ Ngọc Thảo	Nguyên	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
682	84	Phạm Đức	Trọng	9.4	THCS Long Bình	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
683	85	Trương Ngọc Vân	Giang	9A2	THCS Linh Trung	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
684	86	Lê Thị Thu	Thủy	9A2	THCS Hiệp Bình	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
685	1	Ngô Đặng Minh	Nhi	9/2	THCS Bình Thọ	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
686	2	Nguyễn Nhật	Minh	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
687	3	Vũ Ngọc Minh	Châu	9T1	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
688	4	Nguyễn Minh Thái	Uy	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
689	5	Trần Hoàng Hà	Thi	9A3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Chất và

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
						sự biến đổi chất)
690	6	Đặng Huy	Hoàng	9A3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
691	7	Hồ Công	Hiếu	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
692	8	Giáp Thùy	Dung	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
693	9	Nguyễn Ngọc Xuân	Anh	9T1	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
694	10	Phạm Ngọc Như	Quỳnh	9A1	THCS An Phú	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
695	11	Danh Thành	Thái	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
696	12	Nguyễn Trang	Thy	9A3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
697	13	Nguyễn Lương Khánh	Hà	9A2	THCS Nguyễn Thị Định	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
698	14	Lê Nguyễn Anh	Hào	9A1	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
699	15	Đinh Gia	Khánh	9/8	THCS Trần Quốc Toản 1	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
700	16	Lê Trần	Hiếu	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
701	17	Trương Nguyễn Tuyết	Anh	9/8	THCS Trần Quốc Toản 1	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
702	18	Phan Hoàng	Phúc	9A2	THCS Nguyễn Thị Định	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
703	19	Trần Nguyễn Minh	Ngọc	9/1	THCS Bình Thọ	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
704	20	Trần Lê Minh	Châu	9T1	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
705	21	Đặng Xuân Gia	Bảo.	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
706	22	Nguyễn Cao Quỳnh	Anh	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
707	23	Trần Khánh	Linh	9A1	THCS Lê Quý Đôn	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
708	24	Nguyễn Quán Gia	Huy	9A2	THCS Nguyễn Thị Định	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
709	25	Huỳnh Lê	Khang	9A1	THCS Trần Quốc Toản	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
710	26	Hoàng Tuấn	Kiệt	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
711	27	Nguyễn Lê Minh	Giang	9A1	THCS Lê Quý Đôn	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
712	28	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	9/6	THCS Bình Thọ	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
713	29	Đặng Hoàng	Nam	9A1	TH, THCS và THPT	KHTN 9 (Chất và

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
					Ngô Thời Nhiệm	sự biến đổi chất)
714	30	Vũ Ngọc Gia	Thoại	9/3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
715	31	Lê Tấn	An	9A1	THCS Trần Quốc Toản	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
716	32	Đặng Thanh	Tùng	9A8	THCS Trần Quốc Toản	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
717	33	Ngô Hoàng	Ân	9/6	THCS Trần Quốc Toản 1	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
718	34	Vũ Duy	Anh	9A4	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
719	35	Bùi Phát	Thịnh	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
720	36	Nguyễn Thị Bảo	Thy	9A7	THCS Hiệp Bình	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
721	37	Phan Huy	Lâm	9/2	THCS Trương Văn Ngu	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
722	38	Nguyễn Huỳnh Thiên	Phúc	9A3	THCS Hưng Bình	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
723	39	Võ Nhựt Anh	Nguyên	9A1	THCS Tân Phú	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
724	40	Lê Vũ Thiên	Kiệt	9A1	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
725	41	Võ Đình	Anh	9A2	THCS Ngô Chí Quốc	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
726	42	Nguyễn Chí	An	9/1	THCS Dương Văn Thì	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
727	43	Vũ Triệu Anh	Thy	9A7	THCS Trần Quốc Toản	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
728	44	Tổng Đặng Anh	Thư	9A1	THCS Trần Quốc Toản	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
729	45	Bùi Vũ Kim	Phụng	9A11	THCS Lê Quý Đôn	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
730	46	Võ Hoàng	Nam	9/2	THCS Trần Quốc Toản 1	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
731	47	Ung Triệu	Phong	9.4	THCS Phước Bình	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
732	48	Đoàn Ngọc Bảo	Châu	9/3	THCS Bình Thọ	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
733	49	Phu Vạn Như	Ý	9A4	THCS Thái Văn Lung	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
734	50	Quách Triệu	Vi	9/4	THCS Bình Thọ	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
735	51	Nguyễn Trần Minh	Thư	9A1	THCS Linh Trung	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
736	52	Nguyễn Bùi Khánh	Đan	9T2	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
737	53	Lê Hoàng	Bảo	9/3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Chất và

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
						sự biến đổi chất)
738	54	Phạm Nhất	Nam	9A1	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
739	55	Ngô Thị Cẩm	Ly	9A1	THCS Hưng Bình	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
740	56	Võ Đức	Anh	9A2	THCS Ngô Chí Quốc	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
741	57	Phạm Hoàng Khánh	Nam	9A1	THCS Bình An	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
742	58	Vũ Ngọc Trâm	Anh	9A4	THCS Thái Văn Lung	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
743	59	Hoàng Xuân	Nhân	9/4	THCS Trương Văn Ngu	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
744	60	Lê Trọng	Nghĩa	9A8	THCS Trần Quốc Toàn	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
745	61	Nguyễn Đăng	Dương	9/2	THCS Trần Quốc Toàn 1	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
746	62	Quách Mỹ	Uyên	9/4	THCS Trần Quốc Toàn 1	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
747	63	Nguyễn Triệu Minh	Ánh	9A11	THCS Lê Quý Đôn	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
748	64	Cao	Phát	9/1	THCS Lê Văn Việt	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
749	65	Nguyễn Thị Diễm	My	9/2	THCS Đặng Tấn Tài	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
750	66	Nguyễn Thị Thùy	Thương	9A8	THCS Hiệp Bình	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
751	67	Nguyễn Hoài	Thương	9/1	THCS Lê Văn Việt	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
752	68	Nguyễn Anh	Minh	9A	Song ngữ Quốc tế Horizon	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
753	69	Trịnh Hà Bảo	Châu	9/6	THCS Trần Quốc Toàn 1	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
754	70	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	9A1	THCS Phú Hữu	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
755	71	Võ Hoàng	Nhân	9.4	THCS Phước Bình	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
756	72	Phạm Mai Ngân	Khánh	9.2	THCS Phước Bình	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
757	73	Lê Phạm Bảo	Ngọc	9A10	THCS Bình Chiểu	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
758	74	Bùi Trần Thanh	Thảo	9/5	THCS Hiệp Phú	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
759	75	Phan Khánh	Hưng	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
760	76	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	9A7	THCS Hiệp Bình	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
761	77	Bùi Đức	Minh	9A1	THCS An Phú	KHTN 9 (Chất và

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
						sự biến đổi chất)
762	78	Nguyễn Thành	Lộc	9A7	THCS Hiệp Bình	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
763	79	Trần Nguyễn Minh	Kha	9/1	THCS Trường Thọ	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
764	1	Nguyễn Nguyên	Anh	9A7	THCS Trần Quốc Toàn	KHTN 9 (Vật sống)
765	2	Nguyễn Tuấn	Minh	9/2	THCS Thạnh Mỹ Lợi	KHTN 9 (Vật sống)
766	3	Ninh Công	Danh	9/3	THCS Thạnh Mỹ Lợi	KHTN 9 (Vật sống)
767	4	Trương Hoàng Khánh	My	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	KHTN 9 (Vật sống)
768	5	Nguyễn Ngọc Việt	Nam	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (Vật sống)
769	6	Trần Xuân Bảo	Son	9TH1	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (Vật sống)
770	7	Hoàng Lê	Minh	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	KHTN 9 (Vật sống)
771	8	Nguyễn Trung	Hiếu	9A8	THCS Trần Quốc Toàn	KHTN 9 (Vật sống)
772	9	Phạm Phương	Nga	9A3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Vật sống)
773	10	Phan Lưu Trúc	Uyên	9A3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Vật sống)
774	11	Trần Đức	Phú	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	KHTN 9 (Vật sống)
775	12	Trương Thị Thanh	Ngọc	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	KHTN 9 (Vật sống)
776	13	Nguyễn Đức Anh	Khoa	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	KHTN 9 (Vật sống)
777	14	Dương Bá An	Nam	9/3	THCS Thạnh Mỹ Lợi	KHTN 9 (Vật sống)
778	15	Nguyễn Hoàng	Minh	9A3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Vật sống)
779	16	Nguyễn Trung	Quân	9A3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Vật sống)
780	17	Huỳnh Bích	Thu	9A11	THCS Lê Quý Đôn	KHTN 9 (Vật sống)
781	18	Phạm Hoàng Đại	Trí	9A1	THCS Long Phước	KHTN 9 (Vật sống)
782	19	Lê Văn Khánh	Hoàng	9/1	THCS Bình Thọ	KHTN 9 (Vật sống)
783	20	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	9A11	THCS Lê Quý Đôn	KHTN 9 (Vật sống)
784	21	Trần Mai Thanh	Vân	9A3	THCS Hiệp Bình	KHTN 9 (Vật sống)
785	22	Lâm Quang Minh	Nhật	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	KHTN 9 (Vật sống)
786	23	Bùi Hoàng	Son	9TC	THCS Trường Thạnh	KHTN 9 (Vật sống)
787	24	Nguyễn Minh	Khôi	9A2	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Vật sống)
788	25	Dương Ngọc Như	Phúc	9A3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Vật sống)
789	26	Nguyễn Anh	Khoa	9TH1	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (Vật sống)
790	27	Phạm Minh	Anh	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	KHTN 9 (Vật sống)
791	28	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	KHTN 9 (Vật sống)
792	29	Vũ Ngọc Trâm	Anh	9A4	THCS Hưng Bình	KHTN 9 (Vật sống)
793	30	Ngô Hoàng An	Hạ	9/3	THCS Bình Thọ	KHTN 9 (Vật sống)
794	31	Nguyễn Hoàng	Lâm	9/3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Vật sống)
795	32	Diệp Phúc Đăng	Khôi	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (Vật sống)
796	33	Bùi Uyên	Vi	9A8	THCS Trần Quốc Toàn	KHTN 9 (Vật sống)
797	34	Phan Xuân	Như	9TC	THCS Trường Thạnh	KHTN 9 (Vật sống)
798	35	Phạm Tuệ	Mỹ	9/6	THCS Bình Thọ	KHTN 9 (Vật sống)
799	36	Nguyễn Tuấn	Kiệt	9A1	THCS Hưng Bình	KHTN 9 (Vật sống)
800	37	Nguyễn Phương	Nam	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	KHTN 9 (Vật sống)
801	38	Vũ Hoàng Minh	Trí	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	KHTN 9 (Vật sống)
802	39	Hà Minh	Thành	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (Vật sống)

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
803	40	Phùng Minh	Đức	9A1	THCS Long Phước	KHTN 9 (Vật sống)
804	41	Trương Gia	Bảo	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	KHTN 9 (Vật sống)
805	42	Nguyễn Lê Mai	Anh	9/7	THCS Trần Quốc Toàn 1	KHTN 9 (Vật sống)
806	43	Nguyễn Ngọc Uyên	Thy	9.2	THCS Long Bình	KHTN 9 (Vật sống)
807	44	Vũ Nam	Phương	9A6	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (Vật sống)
808	45	Nguyễn Như Hải	My	9.L4	TH, THCS và THPT Việt Úc	KHTN 9 (Vật sống)
809	46	Lê Vũ Thùy	Linh	9A1	THCS Tân Phú	KHTN 9 (Vật sống)
810	47	Phạm Gia	Khang	9A7	THCS Trần Quốc Toàn	KHTN 9 (Vật sống)
811	48	Trần Nguyễn An	Nhi	9A5	THCS Hưng Bình	KHTN 9 (Vật sống)
812	49	Phạm Lê An	Na	9A2	THCS Phú Hữu	KHTN 9 (Vật sống)
813	50	Lê Hoài	Thu	9/4	THCS Hiệp Phú	KHTN 9 (Vật sống)
814	51	Dương Bình	Nguyên	9A4	THCS Thái Văn Lung	KHTN 9 (Vật sống)
815	52	Pang Ting Nguyễn Minh	Hằng	9/2	THCS Trần Quốc Toàn 1	KHTN 9 (Vật sống)
816	53	Đào Thị Ngọc	Quỳnh	9A1	THCS Tân Phú	KHTN 9 (Vật sống)
817	54	Nguyễn Hoàng	Phúc	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (Vật sống)
818	55	Đỗ Quỳnh	Nhi	9/1	THCS Giồng Ông Tố	KHTN 9 (Vật sống)
819	56	Trần Thu	Nga	9TH2	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (Vật sống)
820	57	Lê Ngọc Ánh	Dương	9A2	THCS Trường Thạnh	KHTN 9 (Vật sống)
821	58	Hoàng Tiến	Nam	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (Vật sống)
822	59	Nguyễn Trần Phương	Anh	9/5	THCS Trường Thọ	KHTN 9 (Vật sống)
823	60	Nguyễn Bảo	Ngọc	9A7	THCS Trần Quốc Toàn	KHTN 9 (Vật sống)
824	61	Nguyễn Quốc	Thắng	9/1	THCS Giồng Ông Tố	KHTN 9 (Vật sống)
825	62	Lưu Nguyễn Bảo	Ngọc	9A8	THCS Trần Quốc Toàn	KHTN 9 (Vật sống)
826	63	Phạm Trần Trà	My	9.1	THCS Phước Bình	KHTN 9 (Vật sống)
827	64	Nguyễn Trần Xuân	Quỳnh	9A1	THCS Lê Quý Đôn	KHTN 9 (Vật sống)
828	65	Lưu Ngọc Xuân	Anh	9TH1	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (Vật sống)
829	66	Nguyễn Tiến	Huân	9A1	THCS An Phú	KHTN 9 (Vật sống)
830	67	Hồ Hoàng	Khiêm	9A1	THCS Long Phước	KHTN 9 (Vật sống)
831	68	Nguyễn Trần Minh	Thư	9A1	THCS Phú Hữu	KHTN 9 (Vật sống)
832	69	Phạm Thị Bảo	Ngọc	9A2	THCS Hiệp Bình	KHTN 9 (Vật sống)
833	70	Nguyễn Phạm Tâm	Anh	9/1	THCS Dương Văn Thị	KHTN 9 (Vật sống)
834	71	Nguyễn Nhật Hạ	Tiên	9/1	THCS Tam Bình	KHTN 9 (Vật sống)
835	1	Lê Ngọc Bảo	Trâm	9/6	THCS Dương Văn Thị	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
836	2	Lê Trần Diệp	Vy	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
837	3	Lý Quỳnh Uyên	Thư	9/2	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
838	4	Đinh Ngọc Khánh	Hân	9/5	THCS Dương Văn Thị	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
839	5	Nguyễn Hoàng Thùy	Dương	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
840	6	Đông Minh	Khuê	9/4	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
						(phân môn Lịch sử)
841	7	Tôn Nguyễn Bảo	Khôi	9A1	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
842	8	Bùi Thương	Thương	9/3	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
843	9	Trần Quang	Huy	9A4	THCS Thái Văn Lung	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
844	10	Lê Thị Trà	My	9/7	THCS Dương Văn Thi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
845	11	Lưu Ngọc	Ánh	9A3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
846	12	Trần Đoàn Hoàng	Giang	9A3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
847	13	Lâm Đại	Nghĩa	9A2	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
848	14	Đào Ngọc Bảo	Thi	9A1	THCS Trường Thạnh	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
849	15	Văn Hoàng Quỳnh	Như	9/3	THCS Tam Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
850	16	Nguyễn Bảo	Hân	9/2	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
851	17	Nguyễn Trần Tấn	Phúc	9/1	THCS Tam Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
852	18	Nguyễn Lê Đan	Thy	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
853	19	Trần Vê Rê	Na	9A1	THCS An Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
854	20	Hoàng Thị Ngọc	Minh	9/2	THCS Trần Quốc Toản 1	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
855	21	Đỗ Thủy	Tiên	9A1	THCS Tân Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
856	22	Nguyễn Linh	Đan	9A1	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
857	23	Lê Nguyễn Minh	Triết	9/3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
858	24	Nguyễn Hiếu	Thuận	9A1	THCS Trường Thạnh	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
859	25	Nguyễn Tiến	Đạt	9/4	THCS Bình Thọ	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
860	26	Nguyễn Út Phương	Vy	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
861	27	Nguyễn Vũ Gia	Hân	9/3	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
862	28	Trần Thị Trâm	Anh	9A3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
863	29	Lê Trịnh Minh	Thư	9/7	THCS Tam Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
864	30	Nguyễn Ngọc Hồng	Anh	9/3	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
						(phân môn Lịch sử)
865	31	Lê Hoàng Phúc	Nguyên	9/4	THCS Trần Quốc Toản 1	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
866	32	Vũ Vinh Phước	Đức	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
867	33	Lê Sơn	Quân	9/3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
868	34	Nguyễn Minh Hoàng	Oanh	9.2	THCS Phước Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
869	35	Nguyễn Khánh	Trân	9A3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
870	36	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	9.2	THCS Long Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
871	37	Lâm Ngọc	Thảo	9A3	THCS Trường Thạnh	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
872	38	Nguyễn Hoàng Phi	Long	9A1	THCS Tân Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
873	39	Lê Trương Minh	Huy	9/2	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
874	40	Nguyễn Minh	Tài	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
875	41	Lê Hoài	An	9A1	THCS Long Phước	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
876	42	Nguyễn Viết Hoàng	Long	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
877	43	Lê Gia	Hân	9/2	THCS Đặng Tấn Tài	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
878	44	Nguyễn Minh	Quân	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
879	45	Nguyễn Tuấn	Nghĩa	9A9	THCS Trần Quốc Toản	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
880	46	Nguyễn Khang	Thịnh	9A8	THCS Trần Quốc Toản	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
881	47	Phạm Hà	Dũng	9A6	THCS Lê Quý Đôn	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
882	48	Nguyễn Huỳnh Ngọc	An	9A7	THCS Nguyễn Văn Bá	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
883	49	Nguyễn Kim	Ngọc	9A3	THCS Lê Quý Đôn	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
884	50	Hoàng Thị Kim	Ngân	9A11	THCS Lê Quý Đôn	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
885	51	Nghiêm Hồi Ngọc	Ngân	9A1	THCS An Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
886	52	Võ Lâm	Huy	9T1	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
887	53	Lê Trần Bảo	Trang	9A1	THCS Hiệp Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
888	54	Nguyễn Thục	Quyên	9M	TH, THCS và THPT	Lịch sử và Địa lý 9

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
					EMASI Vạn Phúc	(phân môn Lịch sử)
889	55	Trần Gia	Bình	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
890	56	Nguyễn Hoài	Phú	9.10	THCS Phước Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
891	57	Đào Ngọc Phương	Vy	9A1	THCS Phú Hữu	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
892	58	Trịnh Bình	Minh	9/1	THCS Tam Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
893	59	Huỳnh Trung	Kiên	9/8	THCS Tam Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
894	60	Lê Tấn	Phát	9A6	THCS Bình Chiểu	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
895	61	Phan Thiện	Nhân	9A2	THCS An Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
896	62	Lâm Anh	Quân	9A8	THCS Trần Quốc Toản	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
897	63	Thái Nhân Trí	Tài	9A1	THCS Long Trường	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
898	64	Phạm Hoàng Khánh	An	9A1	THCS Tân Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
899	65	Đào Duy	Minh	9A1	THCS Tân Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
900	66	Nguyễn Lê Tuấn	Phát	9/2	THCS Đặng Tấn Tài	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
901	67	Nguyễn Trần Ánh	Ngân	9.2	THCS Phước Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
902	68	Trần Ngọc Thu	Huyền	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
903	69	Phạm Thúy	Kiều	9A5	THCS Hưng Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
904	70	Vũ Thanh	Nhi	9.2	THCS Phước Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
905	71	Lê Ngọc	Hà	9/6	THCS Tam Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
906	72	Phạm Ngọc Linh	Chi	9/2	THCS Tam Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
907	73	Nguyễn Hải	Anh	9/6	THCS Trường Thọ	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
908	74	Nguyễn Tấn Ngọc	Minh	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
909	75	Lê Đỗ Thiện	Minh	9A6	THCS Bình Chiểu	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
910	76	Đặng Bùi	Kiệt	9A1	THCS An Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
911	77	Nguyễn Hoàng Bảo	Trân	9/5	THCS Trường Thọ	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
912	78	Trần Ngọc Như	Ý	9A4	THCS Thái Văn Lung	Lịch sử và Địa lý 9

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
						(phân môn Lịch sử)
913	79	Nguyễn Lê Thuận	Thiên	9/5	THCS Tam Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
914	80	Hồ Thị Bé	Thảo	9C	THCS Cát Lái	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
915	81	Đinh Thị Thùy	Dung	9A5	THCS Tân Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
916	82	Phạm Thị Ngọc	Chiều	9A4	THCS Bình Chiểu	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
917	83	Lâm Bùi Ngọc	Diệu	9/2	THCS Đặng Tấn Tài	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
918	84	Bùi Lan	Anh	9A5	THCS Tân Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
919	85	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	9A2	THCS Trường Thạnh	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
920	86	Đỗ Bảo Quỳnh	Như	9.2	THCS Phước Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
921	87	Trần Kiều	Tâm	9A11	THCS Lê Quý Đôn	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
922	88	Trần Ngọc Nam	Phương	9A7	THCS Thái Văn Lung	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
923	89	Lê Nguyễn Kiều	Như	9M	TH, THCS và THPT EMASI Vạn Phúc	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
924	90	Trần Đình	Khoa	9A1	THCS An Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
925	91	Nguyễn Thanh	Bình	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
926	92	Đặng Nguyễn Quỳnh	Như	9A1	TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
927	93	Nguyễn Ánh	Dương	9A7	THCS Thái Văn Lung	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
928	94	Nguyễn Thị Băng	Châu	9/4	THCS Hiệp Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
929	95	Lê Hồng Gia	Nghi	9A1	THCS Tân Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
930	96	Đào Nguyễn Ngọc	Duyên	9A7	THCS Thái Văn Lung	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
931	97	Phạm Hoàng Hà	Linh	9A7	THCS Thái Văn Lung	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
932	98	Nguyễn Đại	Lâm	9A3	THCS Lê Quý Đôn	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
933	99	Đỗ Ngọc Song	Thư	9/2	THCS Tam Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
934	100	Ngô Huỳnh Thiện	Nhân	9.7	THCS Phước Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
935	101	Nguyễn Châu Uyển	My	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
936	102	Nguyễn Lê Gia	Bảo	9/5	THCS Linh Trung	Lịch sử và Địa lý 9

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
						(phân môn Lịch sử)
937	103	Đỗ Mai	Lan	9/5	THCS Trường Thọ	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
938	104	Trần Đình	Khoa	9A3	THCS Lê Quý Đôn	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
939	105	Huỳnh Quốc	Trọng	9A4	THCS Thái Văn Lung	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
940	1	Trương Vũ Linh	Đan	9TC	THCS Trường Thạnh	Tin học 9
941	2	Bùi Nguyễn Đông	Quân	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	Tin học 9
942	3	Lê Bảo	Như	9A7	THCS Trần Quốc Toàn	Tin học 9
943	4	Đào Lê Nhật	Minh	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Tin học 9
944	5	Phạm Quang	Bình	9/3	THCS Bình Thọ	Tin học 9
945	6	Đặng Gia	Bảo	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Tin học 9
946	7	Huỳnh Khải	Đông	9A3	THCS Hoa Lư	Tin học 9
947	8	Trương Hoàng	Nam	9A3	THCS Hiệp Phú	Tin học 9
948	9	Lê Thị Bảo	Linh	9A2	THCS Hiệp Phú	Tin học 9
949	10	Hồ Quốc	Thịnh	9A2	THCS Linh Trung	Tin học 9
950	11	Nguyễn Bảo	Nam	9/8	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	Tin học 9
951	12	Nguyễn Công	Anh	9A7	THCS Hiệp Bình	Tin học 9
952	13	Phan Khánh	Linh	9A3	THCS Lương Định Của	Tin học 9
953	14	Võ Ngọc	Lan	9A7	THCS Trần Quốc Toàn	Tin học 9
954	15	Trần Nguyễn Ngọc	Hân	9TC	THCS Trường Thạnh	Tin học 9
955	16	Hoàng Hải	Đặng	9A1	THCS Trường Thạnh	Tin học 9
956	17	Trần Văn	Dũng	9T1	THCS Hoa Lư	Tin học 9
957	18	Lê Nguyễn Trung	Dũng	9A9	THCS Trần Quốc Toàn	Tin học 9
958	19	Võ Hoàng Minh	Anh	9A1	THCS Trường Thạnh	Tin học 9
959	20	Võ Lý Minh	An	9A1	THCS Hiệp Phú	Tin học 9
960	21	Nguyễn Thế	Nhật	9A6	THCS Tân Phú	Tin học 9
961	22	Nguyễn Tấn	Lộc	9A1	THCS Long Trường	Tin học 9
962	23	Lê Thái	Linh	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Tin học 9
963	24	Nguyễn Văn Gia	Huy	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Tin học 9
964	25	Đặng Hoàng	Dũng	9A9	THCS Ngô Chí Quốc	Tin học 9
965	26	Phạm Thị Thanh	Ngân	9A7	THCS Nguyễn Văn Bá	Tin học 9
966	27	Lê Minh	Hưng	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	Tin học 9
967	28	Trần Nhất	Long	9/6	THCS Hiệp Phú	Tin học 9
968	29	Nguyễn Anh	Khoa	9/1	THCS Xuân Trường	Tin học 9
969	30	Nguyễn Quang	Trung	9/1	THCS Xuân Trường	Tin học 9
970	31	Hà Nguyễn Minh	Tuấn	9A2	THCS Hiệp Phú	Tin học 9
971	32	Đào Duy	Khang	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	Tin học 9
972	33	Phạm Gia	Tuệ	9TC	THCS Trường Thạnh	Tin học 9
973	34	Bành Thiên	Phúc	9/5	THCS Hiệp Phú	Tin học 9
974	35	Phạm Gia Trường	Phát	9A7	THCS Trần Quốc Toàn	Tin học 9
975	36	Cao Trúc	Linh	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Tin học 9

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
976	37	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Tin học 9
977	38	Nguyễn Minh	Đức	9A1	THCS Tân Phú	Tin học 9
978	39	Lê Thành	Đạt	9A1	THCS Long Trường	Tin học 9
979	40	Nguyễn Hữu	Thịnh	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Tin học 9
980	41	Nguyễn Đôn	Hy	9/1	THCS Xuân Trường	Tin học 9
981	42	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Tin học 9
982	43	Trương Bảo	Ngọc	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Tin học 9
983	44	Nguyễn Thế	Hữu	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Tin học 9
984	45	Lê Thị Như	Huỳnh	9/1	THCS Xuân Trường	Tin học 9
985	46	Võ Lê	Tâm	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Tin học 9
986	47	Võ Phương	An	9/3	THCS Hoa Lư	Tin học 9
987	48	Nguyễn Ngọc Thảo	Trâm	9A3	THCS Trần Quốc Toàn	Tin học 9
988	49	Lê Vũ Thanh	Phát	9A1	THCS Linh Trung	Tin học 9
989	50	Dương Nguyễn Đăng	Khoa	9A1	THCS An Phú	Tin học 9
990	51	Ngô Gia	Bảo	9A1	THCS Tân Phú	Tin học 9
991	52	Nguyễn Huệ	Như	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Tin học 9
992	53	Phan Mỹ	Trân	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Tin học 9
993	54	Dương Huỳnh Gia	Huy	9A1	THCS Long Trường	Tin học 9
994	55	Nguyễn Minh	Tiến	9A1	THCS Long Trường	Tin học 9
995	56	Võ Nguyễn Gia	Phúc	9A1	THCS Long Trường	Tin học 9
996	57	Nguyễn Vũ Phúc	Hưng	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Tin học 9
997	1	Đặng Ngọc Huyền	Châu	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
998	2	Nguyễn Huyền	Trang	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
999	3	Nguyễn Trúc	Phương	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1000	4	Đinh Ngọc Phương	Linh	9/4	THCS Hiệp Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1001	5	Doãn Ngọc Như	Ý	9/4	THCS Hiệp Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1002	6	Hồ Thị Ngọc	Thảo	9/4	THCS Hiệp Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1003	7	Hồ Nhật	Khang	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1004	8	Đặng Ngọc Thảo	Linh	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1005	9	Trịnh Vương Gia	Phú	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1006	10	Nguyễn Văn	Chương	9/5	THCS Hiệp Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1007	11	Tô Thanh Thủy	Trúc	9A1	THCS Long Trường	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1008	12	Phạm Phúc	Toàn	9/4	THCS Hiệp Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1009	13	Nguyễn Minh	Khôi	9T1	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
						(phân môn Địa lý)
1010	14	Phùng Ngọc	Hân	9/1	THCS Lê Văn Việt	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1011	15	Vũ Thị Ngọc	Hân	9T1	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1012	16	Mai Võ Hoài	Tâm	9A3	THCS Hiệp Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1013	17	Trương Gia	Hân	9A9	THCS Bình Chiểu	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1014	18	Huỳnh Yến	Vy	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1015	19	Đặng Thị Thuý	Vy	9/4	THCS Hiệp Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1016	20	Huỳnh Uy	Dũng	9A2	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1017	21	Bùi Hải	Anh	9A1	THCS Tân Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1018	22	Huỳnh Ngọc Gia	Hân	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1019	23	Nguyễn Trần Nam	Sơn	9T1	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1020	24	Nguyễn Gia	Linh	9A3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1021	25	Hà Thị Kim	Oanh	9A1	THCS Hiệp Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1022	26	Đỗ Uyên	Lam	9A3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1023	27	Nguyễn Minh	Như	9/3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1024	28	Phạm Thị Mỹ	Duyên	9/4	THCS Hiệp Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1025	29	Nguyễn Gia	Hân	9/3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1026	30	Lê Nguyễn Đan	Thanh	9/3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1027	31	Vũ Nguyễn Phương	Linh	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1028	32	Nguyễn Hoàng Ngọc	Mai	9/4	THCS Hiệp Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1029	33	Phạm Ngọc Phi	Tuý	9/3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1030	34	Hồ Phạm Diễm	Quỳnh	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1031	35	Trần Gia	Bảo	9A2	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1032	36	Vương Hoàng	Phúc	9A1	THCS Long Trường	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1033	37	Lai Nguyễn Khánh	Vy	9.3	THCS Phước Bình	Lịch sử và Địa lý 9

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
						(phân môn Địa lý)
1034	38	Đinh Vũ Thùy	Anh	9T1	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1035	39	Nguyễn Gia	Hân	9A7	THCS Thái Văn Lung	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1036	40	Nguyễn Hoàng Thanh	Thủy	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1037	41	Hà Bảo	Hân	9.2	THCS Phước Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1038	42	Chu Đình Anh	Tuấn	9A2	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1039	43	Lê Bảo	Kì	9/3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1040	44	Nguyễn Ngọc Thanh	Vi	9A2	THCS Ngô Chí Quốc	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1041	45	Nguyễn Bình Thảo	Vy	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1042	46	Mai Hoàng	Trang	9A9	THCS Bình Chiểu	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1043	47	Ngô Xuân	Lộc	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1044	48	Phạm Minh	Anh	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1045	49	Huỳnh Ngọc Phương	Linh	9A3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1046	50	Trịnh Minh	Nghi	9.2	THCS Phước Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1047	51	Nguyễn Văn	Thuận	9A9	THCS Thái Văn Lung	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1048	52	Bùi Ngọc Châu	Anh	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1049	53	Nguyễn Thị Thúy	Quyên	9A8	THCS Thái Văn Lung	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1050	54	Ngô Đình Bảo	Vân	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1051	55	Thái Đoàn Thiên	Tú	9/2	THCS Dương Văn Thi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1052	56	Bùi Ngọc	Như	9A1	THCS Hưng Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1053	57	Nguyễn Trà	My	9A1	THCS Tân Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1054	58	Đặng Thị Ngọc	Bảo	9A1	THCS Long Phước	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1055	59	Nguyễn Phương	Vy	9.L4	TH, THCS và THPT Việt Úc	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1056	60	Lê Nguyễn Quế	Anh	9A8	THCS Thái Văn Lung	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1057	61	Lê Minh	Trang	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	Lịch sử và Địa lý 9

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
						(phân môn Địa lý)
1058	62	Phạm Nguyễn Nguyên	Trân	9A1	THCS Tân Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1059	63	Trần Phan Thanh	Hoàng	9/3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1060	64	Nguyễn Quốc	Việt	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1061	65	Ngô Xuân Bảo	Ngọc	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1062	66	Trần Ngọc	Mai	9A9	THCS Bình Chiểu	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1063	67	Trần Khánh	Ngọc	9.2	THCS Phước Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1064	68	Vũ Dương	Dũng	9/1	THCS Xuân Trường	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1065	69	Lê Võ Ngọc	Thảo	9.4	THCS Phước Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1066	70	Nguyễn Đăng Minh	Khuê	9/4	THCS Thạnh Mỹ Lợi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1067	71	Lê Phạm Hoài	Tâm	9A1	THCS Long Trường	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1068	72	Nguyễn Phương	Thảo	9/4	THCS Trần Quốc Toàn 1	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1069	73	Nguyễn Cao Như	Quỳnh	9A1	THCS An Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1070	74	Phạm Hồ Trung	Kiên	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1071	75	Lâm Nguyễn Ngọc	Huyền	9A9	THCS Bình Chiểu	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1072	76	Võ Nguyễn Mai	Khôi	9B	THCS Cát Lái	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1073	77	Phan Anh	Thụy	9A1	THCS Tân Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1074	78	Nguyễn Vũ Minh	Phương	9A9	THCS Bình Chiểu	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1075	79	Vũ Diệp Yến	Nhi	9/5	THCS Xuân Trường	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1076	80	Mai Ngọc Thủy	Tiên	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1077	81	Hoàng Thị Mỹ	Duyên	9/2	THCS Dương Văn Thi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1078	82	Phạm Lê Khả	Tú	9/4	THCS Hiệp Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1079	83	Trần Ngọc Bảo	Khuê	9.L3	TH, THCS và THPT Việt Úc	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1080	84	Trần Lê Nguyên	Khôi	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1081	85	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Lịch sử và Địa lý 9

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
						(phân môn Địa lý)
1082	86	Lê Bảo Ngọc	Châu	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1083	87	Đình Minh	Đức	9A1	THCS An Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1084	88	Phạm Nguyễn Bảo	Ngọc	9/1	THCS Xuân Trường	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1085	89	Nguyễn Hoàng Khánh	Vi	9/4	THCS Thanh Mỹ Lợi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1086	90	Lê Bùi Ngọc	Trâm	9/1	THCS Xuân Trường	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1087	91	Sú Quỳnh	Như	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1088	92	Hà Linh	Chi	9/4	THCS Trần Quốc Toản 1	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
1089	1	Nguyễn Thế	Anh	9/4	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1090	2	Phạm Thị Thanh	Ngọc	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1091	3	Lê Phúc	Thịnh	9A4	THCS Thái Văn Lung	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1092	4	Hoàng Trung	Hiếu	9/4	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1093	5	Võ Anh	Thư	9.10	THCS Phước Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1094	6	Nguyễn Thành	Chương	9/1	THCS Tam Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1095	7	Võ Minh Tấn	Phát	9/4	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1096	8	Lê Nguyễn Tuệ	Nhi	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1097	9	Phan Ngọc	Vy	9A1	THCS Tân Phú	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1098	10	Hoàng Anh	Tài	9/2	THCS Trần Quốc Toản 1	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1099	11	Lê Ngọc Bảo	Hân	9A6	THCS Hưng Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1100	12	Dương Tuấn	Anh	9A3	THCS Hoa Lư	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1101	13	Mai Thiên	Phú	9A4	THCS Hoa Lư	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1102	14	Lại Đức	Thịnh	9A5	THCS Bình Chiểu	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1103	15	Bùi Tiến	Khải	9/1	THCS Tam Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1104	16	Cù Thị	Duyên	9/2	THCS Đặng Tấn Tài	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1105	17	Trần Gia	Huy	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Công nghệ 9 (Công

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
						nghệ)
1106	18	Tô Nhã	Nguyên	9/2	THCS Trần Quốc Toàn 1	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1107	19	Đinh Hà	Huy	9A6	THCS Hưng Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1108	20	Quách Minh	Anh	9T1	THCS Hoa Lư	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1109	21	Vũ Thị Ngọc	Ánh	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1110	22	Hoàng Mai	Anh	9A2	THCS Lê Quý Đôn	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1111	23	Trần Hải	Nam	9/3	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1112	24	Huỳnh Minh	Khôi	9A1	THCS Tân Phú	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1113	25	Nguyễn Minh	Thy	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1114	26	Nguyễn Gia	Phú	9/1	THCS Tam Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1115	27	Nguyễn Trung	Hiếu	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1116	28	Lê Quảng	Triều	9A1	THCS Tân Phú	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1117	29	Nguyễn Trần	Quang	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1118	30	Võ Hà Hồng	Nhật	9A2	THCS Nguyễn Văn Bá	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1119	31	Nguyễn Thị Huyền	Trang	9A1	THCS Tân Phú	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1120	32	Nguyễn Đức	Huy	9/3	THCS Tam Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1121	33	Bạch Ngọc Khánh	Thy	9/1	THCS Tam Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1122	34	Nguyễn Thị Duyên	Ngọc	9/2	THCS Đặng Tấn Tài	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1123	35	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	9/1	THCS Xuân Trường	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1124	36	Nguyễn Duy	Quang	9A3	THCS Hoa Lư	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1125	37	Tổng Minh	An	9A1	THCS Linh Trung	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1126	38	Võ Minh	Thành	9A6	THCS Hưng Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1127	39	Lê Đình Bảo	Nghi	9/4	THCS Linh Trung	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1128	40	Phí Trịnh Minh	Ánh	9A2	THCS An Phú	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1129	41	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	9/2	THCS Đặng Tấn Tài	Công nghệ 9 (Công

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
						ngiệp)
1130	42	Nguyễn Vũ Gia	Bảo	9T1	THCS Hoa Lư	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1131	43	Nguyễn Thị Phương	Thảo	9/5	THCS Tam Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1132	44	Trần Thanh	Vân	9.10	THCS Phước Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1133	45	Nguyễn Hoàng	Thịnh	9.10	THCS Phước Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1134	46	Võ Hoài Mỹ	Phương	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1135	47	Đỗ Hoàng Bảo	Ngân	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1136	48	Phạm Ngọc Khánh	Hà	9/4	THCS Tam Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1137	49	Trần Tuấn	Khang	9/2	THCS Trần Quốc Toản 1	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1138	50	Nguyễn Bảo	Minh	9A8	THCS Nguyễn Văn Bá	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1139	51	Đoàn Diệp Minh	Anh	9/2	THCS Trường Thọ	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1140	52	Bùi Phạm Minh	Quang	9A5	THCS Nguyễn Văn Bá	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1141	53	Lê Ngọc Kim	Hằng	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1142	54	Nguyễn Lê Minh	Thư	9A2	THCS Lê Quý Đôn	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1143	55	Nguyễn	Vũ	9A1	THCS Nguyễn Thị Định	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1144	56	Nguyễn Thị Thanh	Hà	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1145	57	Nguyễn Hồng	Nhi	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1146	58	Trần Vũ Minh	Phú	9/7	THCS Trường Thọ	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1147	59	Bùi Thùy	Trang	9.2	THCS Long Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1148	60	Nguyễn Ngọc Thiên	Ý	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1149	61	Hồ Thái	Hưng	9A2	THCS Trường Thạnh	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1150	62	Lê	Quỳnh	9A2	THCS Nguyễn Văn Bá	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
1151	1	Nguyễn Chí	Khang	9A3	THCS Phú Hữu	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
1152	2	Trịnh Phương	Linh	9A1	THCS Phú Hữu	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
1153	3	Hoàng Nguyễn Thúy	Vy	9A3	THCS Phú Hữu	Công nghệ 9 (Nông

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
						nghệ)
1154	4	Lê Minh	Hoàng	9A1	THCS Phú Hữu	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
1155	5	Nguyễn Gia	Bảo	9A3	THCS Phú Hữu	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
1156	6	Phan Bảo	Quyên	9A1	THCS Phú Hữu	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
1157	7	Phạm Trịnh Anh	Thư	9A1	THCS Phú Hữu	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
1158	8	Hồng Minh	Thắng	9A1	THCS Phú Hữu	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
1159	9	Trình Thị Minh	Minh	9A2	THCS Phú Hữu	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
1160	10	Nguyễn Thụy Lan	Dương	9/3	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
1161	11	Võ Tường	Vy	9A2	THCS Phú Hữu	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
1162	12	Giáp Thanh Phương	Tín	9A2	THCS Phú Hữu	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
1163	13	Trần Thu	Hiền	9/4	THCS Tăng Nhơn Phú B	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
1164	14	Nghiêm Xuân Trường	Giang	9/7	THCS Tăng Nhơn Phú B	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
1165	15	Nguyễn Trung	Son	9/3	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
1166	16	Trần Ngọc Bảo	Hân	9/7	THCS Tăng Nhơn Phú B	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
1167	17	Trần Vạn Tuấn	Anh	9/6	THCS Tăng Nhơn Phú B	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
1168	18	Mai Ngọc Phương	Anh	9/7	THCS Tăng Nhơn Phú B	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
1169	19	Nguyễn Thiên	Kim	9/7	THCS Tăng Nhơn Phú B	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
1170	20	Nguyễn Trà	My	9/7	THCS Dương Văn Thị	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
1171	21	Trần Ngọc Bảo	Châu	9/6	THCS Dương Văn Thị	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
1172	22	Lê Viết	Khôi	9/3	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
1173	23	Nguyễn Bảo	Trân	9/7	THCS Dương Văn Thị	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
1174	24	Trần Thanh	Nga	9/7	THCS Tăng Nhơn Phú B	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
1175	25	Bùi Nguyễn Tường	Vy	9/7	THCS Tăng Nhơn Phú B	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
1176	26	Trần Ánh	Ngọc	9/7	THCS Dương Văn Thị	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
1177	27	Nguyễn Trần Thục	Quyên	9A3	THCS Phú Hữu	Công nghệ 9 (Nông

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
						ngiệp)
1178	1	Tưởng Huy	Vũ	9A9	THCS Bình Chiểu	Giải toán trên MTCT 9
1179	2	Trịnh Ngọc	Hải	9A6	THCS Tân Phú	Giải toán trên MTCT 9
1180	3	Hoàng Minh	Quân	9A3	THCS Hoa Lư	Giải toán trên MTCT 9
1181	4	Lê Đức	Trung	9T1	THCS Hoa Lư	Giải toán trên MTCT 9
1182	5	Chu Gia	Bảo	9A11	THCS Lê Quý Đôn	Giải toán trên MTCT 9
1183	6	Bàn Viễn Thanh	Giang	9A7	THCS Trần Quốc Toản	Giải toán trên MTCT 9
1184	7	Phạm Lê Hương	Giang	9A10	THCS Bình Chiểu	Giải toán trên MTCT 9
1185	8	Trịnh Quốc	Định	9A9	THCS Bình Chiểu	Giải toán trên MTCT 9
1186	9	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	9A3	THCS Hoa Lư	Giải toán trên MTCT 9
1187	10	Trần Đức	Huy	9A3	THCS Hoa Lư	Giải toán trên MTCT 9
1188	11	Đặng Quỳnh	Như	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Giải toán trên MTCT 9
1189	12	Huỳnh Minh	Quân	9T1	THCS Hoa Lư	Giải toán trên MTCT 9
1190	13	Lê Nguyễn Hồng	Phát	9A1	THCS Hiệp Phú	Giải toán trên MTCT 9
1191	14	Nguyễn Hiếu	Thuận	9/2	THCS Trường Thọ	Giải toán trên MTCT 9
1192	15	Nguyễn Thu	Thảo	8A4	THCS Thái Văn Lung	Giải toán trên MTCT 9
1193	16	Đỗ Trương Thành	Tài	9A1	THCS Hiệp Phú	Giải toán trên MTCT 9
1194	17	Phạm Hoàng	Anh	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Giải toán trên MTCT 9
1195	18	Vũ Hùng	Anh	9.1	THCS Phước Bình	Giải toán trên MTCT 9
1196	19	Phạm Thùy	Dương	9A4	THCS Thái Văn Lung	Giải toán trên MTCT 9
1197	20	Hồ Nguyễn	Hưng	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Giải toán trên MTCT 9
1198	21	Nguyễn Quang	Huy	9A1	THCS Tân Phú	Giải toán trên MTCT 9
1199	22	Nguyễn Trọng	Khôi	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Giải toán trên MTCT 9
1200	23	Nguyễn Tuấn	Khoa	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Giải toán trên MTCT 9
1201	24	Hoàng Thanh	Khoa	8A1	THCS Tân Phú	Giải toán trên

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
						MTCT 9
1202	25	Lê Minh	Hưng	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Giải toán trên MTCT 9
1203	26	Trương Phạm Khánh	Ngọc	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Giải toán trên MTCT 9
1204	27	Nguyễn Hoàng	Quân	9/1	THCS Trường Thọ	Giải toán trên MTCT 9
1205	28	Văn Triệu	Vũ	9A1	THCS Giồng Ông Tố	Giải toán trên MTCT 9
1206	29	Ngô Mai	Trân	9A10	THCS Bình Chiểu	Giải toán trên MTCT 9
1207	30	Bành Tiến	Đạt	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
1208	31	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Giải toán trên MTCT 9
1209	32	Nguyễn Ngọc Thảo	Hân	9A2	THCS Hoa Lư	Giải toán trên MTCT 9
1210	33	Lâm Tấn	Phát	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Giải toán trên MTCT 9
1211	34	Trần Vân	Anh	8/1	THCS Trường Thọ	Giải toán trên MTCT 9
1212	35	Phạm Gia	Huy	8A10	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
1213	36	Đặng Ngọc Hoàng	Huy	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Giải toán trên MTCT 9
1214	37	Phạm Đông	Quân	9T2	THCS Hoa Lư	Giải toán trên MTCT 9
1215	38	Bùi Trần Anh	Tuấn	9.4	THCS Phước Bình	Giải toán trên MTCT 9
1216	39	Trần Nguyễn Tấn	Vũ	8/2	THCS Bình Thọ	Giải toán trên MTCT 9
1217	40	Đặng Thái	Vinh	9A3	THCS Hoa Lư	Giải toán trên MTCT 9
1218	41	Trần Quang	Huy	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
1219	42	Huỳnh Phước	Huy	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Giải toán trên MTCT 9
1220	43	Trần Mỹ	Phan	8A3	THCS Hiệp Bình	Giải toán trên MTCT 9
1221	44	Võ Lê Bích	Trâm	9A7	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
1222	45	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
1223	46	Trần Võ Minh	Triết	9T2	THCS Hoa Lư	Giải toán trên MTCT 9
1224	47	Nguyễn Thái Hà	Anh	8A10	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
1225	48	Nguyễn Trung	Đức	9A10	THCS Bình Chiểu	Giải toán trên

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
						MTCT 9
1226	49	Trần Xuân	Hiếu	9.4	THCS Phước Bình	Giải toán trên MTCT 9
1227	50	Trần Ngọc Minh	Khanh	9A1	THCS Hưng Bình	Giải toán trên MTCT 9
1228	51	Lưu Tuấn	Nghĩa	8/8	THCS Trần Quốc Toàn 1	Giải toán trên MTCT 9
1229	52	Huỳnh	Nguyễn	9A3	THCS Lương Định Của	Giải toán trên MTCT 9
1230	53	Nguyễn Chí	Thanh	9A6	THCS Thái Văn Lung	Giải toán trên MTCT 9
1231	54	Vũ Tấn	Tài	9/3	THCS Hoa Lư	Giải toán trên MTCT 9
1232	55	Đinh Đăng	Khoa	9A1	THCS Giồng Ông Tố	Giải toán trên MTCT 9
1233	56	Hình Phước	Khanh	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
1234	57	Lê Vĩnh	Khang	9A6	THCS Lương Định Của	Giải toán trên MTCT 9
1235	58	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	8A10	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
1236	59	Nguyễn Hải	Bình	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Giải toán trên MTCT 9
1237	60	Hồ Bá Duy	Anh	9/1	THCS Trường Thọ	Giải toán trên MTCT 9
1238	61	Ngô Minh	Đức	9T1	THCS Hoa Lư	Giải toán trên MTCT 9
1239	62	Phan	Đăng	9A4	THCS Lương Định Của	Giải toán trên MTCT 9
1240	63	Nguyễn Tiến	Đạt	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
1241	64	Nguyễn Huy	Hoàng	9A2	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
1242	65	Nguyễn Hữu	Khôi	9A1	THCS Hiệp Phú	Giải toán trên MTCT 9
1243	66	Thạch Đăng Minh	Khang	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Giải toán trên MTCT 9
1244	67	Nguyễn Hữu Phước	Khang	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Giải toán trên MTCT 9
1245	68	Hồ Quang	Minh	9A4	THCS Thái Văn Lung	Giải toán trên MTCT 9
1246	69	Lê Minh	Nhật	9.3	THCS Phước Bình	Giải toán trên MTCT 9
1247	70	Lương Quang	Tùng	8A10	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
1248	71	Nguyễn Hoàng Khánh	Vy	9A6	THCS Tân Phú	Giải toán trên MTCT 9
1249	72	Nguyễn Việt	Trí	9.1	THCS Phước Bình	Giải toán trên

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
						MTCT 9
1250	73	Bùi Thùy	Anh	9.3	THCS Phước Bình	Giải toán trên MTCT 9
1251	74	Nguyễn Trọng Đức	Huy	9/7	THCS Trần Quốc Toản 1	Giải toán trên MTCT 9
1252	75	Mạc Huy	Hoàng	7A1	THCS Lê Quý Đôn	Giải toán trên MTCT 9
1253	76	Lưu Bá Tuấn	Minh	9A1	THCS Hiệp Phú	Giải toán trên MTCT 9
1254	77	Đỗ Cao	Lương	8A4	THCS Thái Văn Lung	Giải toán trên MTCT 9
1255	78	Đinh Thị Hải	Nhi	8A11	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
1256	79	Trần Ngọc Bảo	Trâm	8A8	THCS Thái Văn Lung	Giải toán trên MTCT 9
1257	80	Nguyễn Quang	Hào	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
1258	81	Nguyễn Duy	Minh	9A4	THCS Thái Văn Lung	Giải toán trên MTCT 9
1259	82	Nguyễn Thiện	Nhân	9A2	THCS Đặng Tấn Tài	Giải toán trên MTCT 9
1260	83	Nguyễn Mạnh	Quân	8A10	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
1261	84	Nguyễn Mai	Phương	9A3	THCS Hoa Lư	Giải toán trên MTCT 9
1262	85	Trần Bảo Gia	An	9.4	THCS Phước Bình	Giải toán trên MTCT 9
1263	86	Nguyễn Tiến	Dũng	9A5	THCS Tân Phú	Giải toán trên MTCT 9
1264	87	Nguyễn Tuấn	Khanh	8A10	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
1265	88	Hồ	Minh	8A1	THCS Tân Phú	Giải toán trên MTCT 9
1266	89	Phạm Nguyễn Quỳnh	Như	9.1	THCS Phước Bình	Giải toán trên MTCT 9
1267	90	Trần Khánh	Ngọc	9A6	THCS Tân Phú	Giải toán trên MTCT 9
1268	91	Trịnh Văn Thái	Son	9A1	THCS Tân Phú	Giải toán trên MTCT 9
1269	92	Đặng Hoàng Minh	Hùng	8/2	THCS Bình Thọ	Giải toán trên MTCT 9
1270	93	Nguyễn Minh	Khoa	8/1	THCS Tam Bình	Giải toán trên MTCT 9
1271	94	Phan Quỳnh	Hương	9TH1	THCS Lương Định Của	Giải toán trên MTCT 9
1272	95	Phạm Kim Cao	Hưng	9A7	THCS Trần Quốc Toản	Giải toán trên MTCT 9
1273	96	Huỳnh Tôn Phương	Nam	8/4	THCS Bình Thọ	Giải toán trên

STT	TT	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
						MTCT 9
1274	97	Đặng Hoàng	Nam	9A1	TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	Giải toán trên MTCT 9
1275	98	Phạm Tuấn	Minh	9A	THCS Cát Lái	Giải toán trên MTCT 9
1276	99	Lê Hoàng	Nhân	9A1	THCS Trường Thạnh	Giải toán trên MTCT 9
1277	100	Phạm Hoàng Ngọc	Phương	9/1	THCS Xuân Trường	Giải toán trên MTCT 9
1278	101	Nguyễn Phan Gia	Phú	9A2	THCS Hiệp Phú	Giải toán trên MTCT 9
1279	102	Chu Công	Thành	9/7	THCS Trần Quốc Toản 1	Giải toán trên MTCT 9
1280	103	Trần Gia	Huy	7A2	THCS Hiệp Bình	Giải toán trên MTCT 9
1281	104	Hồ Gia	Huy	9TH1	THCS Lương Định Của	Giải toán trên MTCT 9
1282	105	Bùi Đức	Tường	8/1	THCS Bình Thọ	Giải toán trên MTCT 9

Tổng cộng có 1282 học sinh được công nhận./.

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO